



USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE



BÁO CÁO CUỐI CÙNG:

Đánh giá sự tham gia của phụ nữ trong Đánh giá Tác động Môi trường trong hai dự án cơ sở hạ tầng tại Việt Nam: Những khuyến nghị về chính sách và sự tham gia của cộng đồng trong Đánh giá Tác động Môi trường



Nhóm tác giả:
Nguyễn Ngọc Lý, trưởng nhóm
Nguyễn Thị Yên
Phạm Quỳnh Hương

Hà Nội, Việt Nam
31 tháng 12 năm 2015

Nghiên cứu này được thực hiện với sự hỗ trợ hào phóng của người dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), chương trình Đối tác Mê Công về Môi trường, do Pact thực hiện. Nội dung của nghiên cứu này thuộc trách nhiệm của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, Chính phủ Hoa Kỳ, hoặc Pact.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC	i
LỜI CẢM ƠN	ii
CÁC TỪ VIẾT TẮT	iii
TÓM TẮT.....	iv
I. BỐI CẢNH.....	1
II. MỤC TIÊU	4
III. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP.....	6
IV. CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG VỀ ĐTM VÀ SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ TẠI VIỆT NAM	12
V. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	17
VI. SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ TRONG ĐTM TẠI DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN VÀ BÃI CHÔN LẤP RÁC HÒA PHÚ TẠI BUÔN MA THUỘT	20
VII. KẾT LUẬN.....	30
VIII. KHUYẾN NGHỊ.....	32
THAM KHẢO	35
PHỤ LỤC 1	38
PHỤ LỤC 2	41
PHỤ LỤC 3	43

LỜI CẢM ƠN

Đối tác Mê Công về Môi trường (MPE) đã tài trợ cho Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Cộng đồng (CECR) dự án nghiên cứu để tìm hiểu về vấn đề giới trong tham vấn cộng đồng trong ĐTM ở hai dự án cơ sở hạ tầng tại Việt Nam. Nghiên cứu này tập trung vào Dự án thủy điện Trung Sơn, do Ngân hàng Thế giới tài trợ, và Dự án bãi chôn lấp chất thải rắn tại thành phố Buôn Ma Thuột, do Ngân hàng Phát triển châu Á (ABD) tài trợ.

Báo cáo kỹ thuật này là kết quả của nỗ lực hợp tác từ nhiều cá nhân. Nhóm nghiên cứu cảm ơn những người sau đây đã nhiệt tình ủng hộ, tham gia, và góp ý: Ông Phạm Anh Dũng, Phó Cục trưởng Cục ĐTM, Bộ TN & MT; Ông Nguyễn Văn Sơn, Chuyên gia môi trường, Ngân hàng Thế giới; Bà Mộng Hoa, Chuyên gia xã hội, Ngân hàng Thế giới; Bà Khúc Thị Thanh Vân, Chuyên gia xã hội; Ông Phạm Văn Phúc, Cán bộ môi trường, ADB; Bà Nguyễn Thu Giang, Chuyên gia về giới, ADB; Bà Đàm Ngọc Anh, Điều phối viên dự án, Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Trung Sơn; Bà Nguyễn Hoàng Phượng, Pan Nature; Ông Nguyễn Đức Tùng, Phó Giám đốc, VESDI; Bà Nguyễn Thị Hiền, Chuyên gia ĐTM; Ông Trần Quốc Hùng, Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Trung Sơn; Ông Đinh Xuân Điền, Chủ tịch UBND xã Trung Sơn; Bà Ngân Thị Tiến, thôn Tà Bán; Bà Nguyễn Thị Thái Thanh, Chuyên gia về giới và môi trường, Dự án bãi rác Hòa Phú; Bà Phan Thị Thanh Hà, Sở TN & MT Buôn Ma Thuột; Bà Võ Lê Quỳnh Như, xã Hòa Phú; Bà Lê Thanh Bình, Chuyên gia môi trường; Bà Lê Hoàng Lan, Chuyên gia ĐTM; Bà Lê Thị Vân Huệ, Chuyên gia về giới; Bà Vân Anh, Chuyên gia về giới; Bà Cao Thị Thu Hương, Chuyên gia môi trường; Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Giảng viên về ĐTM; Bà Nguyễn Thị Linh, Chuyên gia môi trường; Bà Nguyễn Anh Thư, Chuyên gia về giới; Bà Dương Thị Tơ, Chuyên gia môi trường; và Bà Đỗ Hải Linh, Pan Nature. Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn những người dân Trung Sơn, Thanh Hóa và Hòa Phú, Buôn Ma Thuột.

Nhóm nghiên cứu xin ghi nhận với sự cảm ơn chân thành tới Bà Bernadette P. Resurreccion, Bà Nguyễn Song Hà, Ông Rajesh Daniel của Viện Môi trường Stockholm, những người đã hướng dẫn thiết kế và phát triển các phương pháp nghiên cứu này, đóng góp và góp ý cho các phản hồi, rà soát và chỉnh sửa nội dung cho báo cáo. Sự hỗ trợ này đã tạo điều kiện to lớn cho nhóm nghiên cứu và nâng cao kết quả trong những nỗ lực của chúng tôi.

Cuối cùng, nhóm nghiên cứu xin được ghi nhận với lòng biết ơn chân thành đến Đối tác Mê Công về Môi trường (MPE) đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu xin đặc biệt cảm ơn Bà Christy Owen và Ông Barry Flaming, những người đã luôn hướng dẫn và hỗ trợ trong suốt thời gian thực hiện nghiên cứu này.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ABD	Ngân hàng Phát triển Châu Á
CECR	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng
DONRE	Sở Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh)
EMP	Kế hoạch quản lý môi trường
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ESS	An toàn Môi trường và Xã hội
FGD	Thảo luận nhóm tập trung
IEE	Kiểm tra Môi trường ban đầu
LEP	Luật Bảo vệ môi trường
LGE	Luật Bình đẳng giới
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MPE	Đối tác Mê Công về Môi trường
PMU	Ban Quản lý dự án
RLDP	Chương trình phát triển Sinh kế Tái định cư và dân tộc thiểu số
RTWG	Nhóm công tác kỹ thuật khu vực về ĐTM
SEI	Viện Môi trường Stockholm
SESIA	Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội bổ sung
SPS	Tuyên bố Chính sách An toàn xã hội
TSHPMB	Ban Quản lý Dự án Thủy điện Trung Sơn
TSHPP	Dự án thủy điện Trung Sơn
QLOA	Quản lý dự án
TN & MT	Tài nguyên và Môi trường
PAN NATURE	Tổ chức thiên nhiên và con người
XHDS	Xã hội dân sự
CSO	Xã hội dân sự

TÓM TẮT

Trong khu vực sông Mê Công, các dự án đầu tư đang mọc lên như nấm và gây tác động xấu đến môi trường và xã hội như gia tăng ô nhiễm, tổn thất tài nguyên thiên nhiên và sinh kế, và buộc người dân bị ảnh hưởng phải tái định cư. Tuy nhiên, nhiều tác động bất lợi có thể tránh được nếu như thiết kế của dự án phản ánh được nhu cầu và kiến thức của các nhóm người chịu ảnh hưởng của dự án, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ. Trên thực tế, chính phủ các nước trong khu vực sông Mê Công và các tổ chức tài chính trong khu vực đã nhận ra tầm quan trọng của việc tạo điều kiện cho những người chịu ảnh hưởng của dự án tham gia vào quá trình ra các quyết định của dự án. Tại Việt Nam, luật về bảo vệ môi trường và các chính sách an toàn xã hội của các nhà tài trợ sử dụng đánh giá tác động môi trường (ĐTM) như một cơ chế để đảm bảo các nhóm chịu sự ảnh hưởng của dự án được tham vấn và ý kiến của họ được phản ánh trong các quyết định đầu tư.

Mặc dù Chính phủ Việt Nam, các tổ chức tài chính phát triển và các nhà phát triển dự án đã ủng hộ cho sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ĐTM, sự tham gia của một số nhóm chịu ảnh hưởng của dự án, đặc biệt là phụ nữ vẫn còn bị hạn chế. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này là để chỉ ra và phân tích những yếu tố hạn chế sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng trong ĐTM ở Việt Nam, và xác định những lợi ích của việc phụ nữ tham gia trong quá trình này. Nghiên cứu sẽ trả lời những câu hỏi sau đây:

- a) Phụ nữ có được huy động tham gia vào tất cả các bước trong quá trình ĐTM không?
- b) Những khó khăn và thách thức phụ nữ phải đối mặt khi tham gia vào quá trình ĐTM?
- c) Những lợi ích của việc phụ nữ tham gia vào quá trình ĐTM?

Để trả lời những câu hỏi này, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu sự tham gia của phụ nữ và nam giới trong quá trình ĐTM tại hai dự án cơ sở hạ tầng: (1) Nhà máy thủy điện Trung Sơn, được hỗ trợ bởi Ngân hàng Thế giới; và (2) Dự án bãi chôn lấp rác Hòa Phú tại Buôn Ma Thuột, được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Nhóm nghiên cứu đã sử dụng cách tiếp cận định tính để thu thập dữ liệu, thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu các đối tượng chính, và thảo luận nhóm tại Hà Nội, Buôn Ma Thuột, và Trung Sơn. Tổng cộng, nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 41 người, trong đó có 23 phụ nữ. Nhóm nghiên cứu đã tổ chức sáu cuộc thảo luận nhóm với tổng cộng 28 người tham gia, trong đó có 13 người là phụ nữ. Nghiên cứu, phỏng vấn và thảo luận cho thấy rằng các tồn tại về thể chế và xã hội đã hạn chế sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM.

Nhóm nghiên cứu phát hiện ra rằng cả hai dự án đều thiếu sự phân tích về giới trong hầu hết các giai đoạn của ĐTM. Cần phải có những hướng dẫn về tham vấn cộng đồng và phụ nữ, và cơ chế trách nhiệm giải trình trong tham vấn cộng đồng. Mặc dù Luật Bình đẳng giới (2006) quy định phải lồng ghép bình đẳng giới vào trong quá trình chuẩn

bị và thực thi luật, đến nay điều này vẫn chưa được thực hiện đầy đủ. Thực thi chính sách là một vấn đề khó khăn, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do sự thiếu chuyên môn về giới. Việc chuẩn bị, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án hiện nay còn chưa yêu cầu phải có ý kiến của các chuyên gia về giới. Các chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới về an toàn môi trường và xã hội chưa phản ánh các tác động khác nhau của các dự án được đề xuất lên phụ nữ và nam giới. Nguyên tắc về công khai thông tin không quy định hoặc đảm bảo tiếp cận thông tin cho phụ nữ. Tuyên bố Chính sách an toàn của ADB khuyến khích sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn nhưng vẫn xem phụ nữ như một phần của cộng đồng chịu ảnh hưởng hoặc người bản địa chứ không phải là một nhóm riêng biệt của các bên liên quan.

Điều quan trọng là phải xem xét phụ nữ như một nhóm riêng biệt của các bên liên quan bởi vì phụ nữ và nam giới trong cùng một cộng đồng thường không có tiếp cận thông tin như nhau. Bất bình đẳng về tiếp cận thông tin phản ánh nhiều khía cạnh bất bình đẳng khác giữa nam và nữ như: bất bình đẳng trong giáo dục, trình độ ngôn ngữ, vai trò giới và chuẩn mực xã hội. Chế độ phụ quyền, quan điểm trọng nam khinh nữ, định kiến về thân phận và kiến thức của phụ nữ, và khả năng về ngôn ngữ tiếng Việt của phụ nữ là những yếu tố xã hội ảnh hưởng đáng kể tới mức độ nhận thức về phụ nữ. Những yếu tố này cũng dễ gắn vào các quan điểm thông thường của chủ dự án, các nhóm tư vấn ĐTM và các quan chức chính quyền địa phương về phụ nữ. Điều này tạo ra nhiều bất lợi cho phụ nữ khi họ bày tỏ quan điểm của mình. Trong cả hai dự án, cơ hội duy nhất cho phụ nữ được lên tiếng là qua tham vấn cộng đồng, tuy nhiên ở các cuộc tham vấn này, chất lượng tham vấn và chuẩn mực xã hội về hành vi của phụ nữ nơi công cộng đã hạn chế khả năng lên tiếng và đóng góp ý kiến của họ. Những nỗ lực để tăng số lượng phụ nữ tham gia trong các cuộc họp tham vấn là một thành công, nhưng tăng số lượng một cách đơn giản không đồng nghĩa với việc phụ nữ phát biểu ý kiến nhiều hơn trong ngữ cảnh họ hiểu là chỉ dành cho nam giới. Do đó, sự hiện diện của phụ nữ trong các cuộc tham vấn có rất ít ảnh hưởng tới các thỏa thuận cuối cùng.

Phụ nữ có mối quan tâm rất cụ thể về vấn đề sinh kế và các vấn đề môi trường như nước uống, ô nhiễm sông, ngòi, ruộng vườn, không khí, và tác động tới sức khỏe của họ nhưng mối quan tâm của phụ nữ lại xuất hiện ở giai đoạn sau của quá trình thực hiện dự án bởi vì họ thiếu hiểu biết về những tác động của các dự án trong quá trình thiết kế. Tuy nhiên, sự tham gia tích cực của phụ nữ đã có kết quả đáng kể. Ví dụ, các khu tái định cư phù hợp đã được xác định nhờ vào kiến thức của phụ nữ về môi trường, sinh thái, thực vật, đất và nguồn nước tại địa phương.

Nghiên cứu này kết luận rằng mặc dù đã có chính sách về tham vấn cộng đồng và bình đẳng xã hội nhưng cả hai dự án phát triển đều đã không kết hợp các vấn đề giới và tiếng nói của phụ nữ trong các báo cáo ĐTM một cách hiệu quả. Phụ nữ đã bày tỏ quan điểm của họ, một cách khá hạn chế trong quá trình ĐTM thông qua tham vấn cộng đồng, nơi sự tham gia của họ phần lớn chỉ là hình thức (họ đã được mời tham dự các cuộc họp) và thụ động (họ không lên tiếng và bày tỏ quan điểm). Nghiên cứu cũng kết luận rằng cam kết thực hiện tham vấn cộng đồng mạnh mẽ là một điều kiện quan trọng để đưa tiếng nói và quan tâm của phụ nữ trong quá trình ĐTM. Nghiên cứu cho thấy những lợi

ích tiềm năng của việc phụ nữ tham gia vào các thảo luận ĐTM phụ thuộc vào kiến thức của họ về các nguồn tài nguyên môi trường và sinh kế, và những lợi ích này bị ảnh hưởng như thế nào bởi sự phát triển cơ sở hạ tầng ở hai địa điểm nghiên cứu. Nếu như tiếng nói của phụ nữ được tiếp thu đúng đắn và xem xét đầy đủ trong quá trình đưa ra quyết định, kế hoạch tái định cư có thể đã được định hình lại để ngăn chặn và giảm các tổn thất về sinh kế và các mối đe dọa đến tài nguyên thiên nhiên, chẳng hạn như chất lượng không khí và nước.

Các khuyến nghị của nghiên cứu bao gồm:

- Sửa đổi khung pháp lý quốc gia về ĐTM và sự tham gia cộng đồng để phù hợp với Luật Bình đẳng giới
- củng cố cơ chế trách nhiệm giải trình trong pháp luật quốc gia và chính sách an toàn của các nhà tài trợ
- Tăng cường vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
- Sử dụng các năng lực của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chứcXHDS trong việc thúc đẩy, nâng cao năng lực, và tham gia giám sát trong suốt quá trình ĐTM
- Đưa ra các thực hành tốt nhất về lồng ghép giới vào ĐTM để cải thiện các hướng dẫn về lồng ghép giới trong ĐTM.

I. BỐI CẢNH

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được sử dụng như công cụ pháp lý, lập kế hoạch và ra quyết định cho các dự án phát triển quy mô tầm trung và tầm lớn trên thế giới. Những đánh giá này có ba hợp phần chính: xác định phạm vi cho quá trình lập kế hoạch và quyết định; tài liệu hóa về các tác động tiềm năng (tích cực và tiêu cực); và tương tác với các bên liên quan trong suốt vòng đời dự án.

Tại Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường đầu tiên được ban hành vào năm 1993, và từ đó đã được sửa đổi, điều chỉnh hai lần. Bản sửa đổi thứ hai có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2015, và trong tài liệu này được gọi là Luật Bảo vệ môi trường (BVMT). Theo Luật BVMT, mục tiêu của ĐTM là đánh giá tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng. Tham vấn cộng đồng là bắt buộc trong quá trình ĐTM. Tương tự, các quy trình trong ĐTM và tham vấn cộng đồng cũng đã thay đổi và cải tiến nhằm đáp ứng những thách thức về môi trường một cách toàn diện hơn.

Cơ sở thể chế về sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng trong quá trình ra quyết định ở tất cả các cấp ở Việt Nam được hình thành khi Quốc hội thông qua Luật Bình đẳng giới (LGE) năm 2006. Điều 21 Mục 2 của LGE quy định các cơ quan chức năng soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật có nghĩa vụ lồng ghép bình đẳng giới trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Điều mục này tạo ra một cơ sở quan trọng cho việc thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các bước của tham vấn cộng đồng trong ĐTM. Cho dù đã được nêu rõ trong Luật Bình đẳng giới, sự tham gia của phụ nữ vẫn chưa được thực hiện đầy đủ trong ĐTM và cần có nhiều nỗ lực hơn để tạo ra các phương thức đáp ứng thực thi bộ Luật này.

Ở cấp độ quốc tế, Liên Hợp Quốc đã công nhận và ủng hộ cho sự tham gia của phụ nữ trong bảo vệ môi trường. Ví dụ, Liên Hợp Quốc khẳng định rằng nam giới và nữ giới có những ưu tiên, yêu cầu, kiến thức và kỹ năng khác nhau trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có (UN DESA, 2004). Trên thực tế, phụ nữ thường đóng vai trò lãnh đạo hoặc đi đầu trong việc thúc đẩy đạo đức môi trường, giảm thiểu suy thoái môi trường, tái sử dụng và tái chế các nguồn tài nguyên (Hội nghị Thế giới về Phụ nữ lần thứ tư của Liên Hợp Quốc, 1995). Quan điểm, ý tưởng, hiểu biết và thực hành của phụ nữ cần được phản ánh trong báo cáo ĐTM và các yếu tố đầu vào này cần được phản ánh trong việc thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng ĐTM.

Hơn nữa, các tổ chức tài chính như Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) yêu cầu phải thực hiện tham vấn cộng đồng và sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn liên quan đến ĐTM và kiểm tra môi trường ban đầu (IEE)¹. Cả hai tổ chức đều có các chính sách An toàn Môi trường và Xã hội (ESS) cho các dự án đầu tư, bao gồm các dự án đập, thủy điện, khai khoáng, vận chuyển và các dự án đầu tư trực tiếp từ nước

¹ IEE là một đánh giá đầu tiên hợp lý về tác động có thể dự đoán về môi trường của một hoạt động được đề xuất hoặc các hoạt động được thực hiện bởi chủ dự án nhận tài trợ từ ABD. Báo cáo IEE bao gồm các dữ liệu cơ bản về điều kiện hiện tại của môi trường vật lý và sinh học, các tác động môi trường được dự đoán, và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất.

ngoài khác. Các chính sách an toàn thiết lập các nguyên tắc, tiêu chí chặt chẽ về lồng ghép giới trong tham vấn cộng đồng để giảm thiểu các tác động tiêu cực về giới cho các dự án này. Tuyên bố Chính sách An toàn (SPS) của ADB, có hiệu lực từ ngày 20 tháng Giêng năm 2010, là một trong những chính sách an toàn áp dụng tính nhạy cảm giới và tính trách nhiệm giới mạnh mẽ nhất.

Mặc dù những tài liệu trên đã thiết lập các tiêu chuẩn, nguyên tắc, tiêu chí cho việc tham gia, tham vấn cộng đồng và bình đẳng giới trong các tham vấn ĐTM, khoảng cách giữa thực tế và lý thuyết còn khá lớn. Ví dụ, các chính sách an toàn của ADB không yêu cầu tham vấn với chuyên gia về giới trong khi thực hiện dự án và không xem xét năng lực giải quyết các vấn đề giới của những người thực hiện dự án (Soentoro, 2009).

Trong khu vực Mê Công, tăng trưởng kinh tế và hợp tác giữa các quốc gia đã được đẩy mạnh thông qua các dự án như xây dựng các đập, hầm mỏ, đường giao thông và các khu công nghiệp. Do các dự án này có tầm cỡ lớn, các tác động đến hệ sinh thái, nước, đa dạng sinh học, rừng và môi trường tự nhiên, cũng như các những tác động đến cuộc sống của con người là rất khắc nghiệt. Các tác động môi trường và xã hội này làm ảnh hưởng tiêu cực lên vị trí của phụ nữ và gia tăng sự bất bình đẳng giới. Để tránh những tác động bất lợi này, cần phải có một sự đồng thuận mạnh mẽ về các nguyên tắc an toàn.

Những tác động này có thể được giảm thiểu bằng cách xây dựng một quá trình ĐTM minh bạch và toàn diện hơn để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng. Vì thế, Đối tác Mê Công về Môi trường (MPE) đã hỗ trợ một Nhóm công tác kỹ thuật khu vực (RTWG) về tham vấn cộng đồng trong ĐTM nhằm mục đích xây dựng và thúc đẩy các hướng dẫn sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ và các nhóm chịu ảnh hưởng của dự án. Mục đích của các hướng dẫn này là giúp cho cộng đồng tham gia hiệu quả hơn vào quá trình ĐTM tại khu vực tiểu vùng hạ lưu sông Mê Công.

Để cung cấp đầu vào cho việc xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật mang tính nhạy cảm về giới về tham vấn cộng đồng trong ĐTM cho khu vực sông Mê Công, MPE đã hỗ trợ Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) tiến hành nghiên cứu đánh giá tiến trình tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM của các dự án cơ sở hạ tầng tại Việt Nam, và đưa ra các khuyến nghị. Nghiên cứu này tập trung vào các câu hỏi sau:

- a) Phụ nữ có được tham gia vào tất cả các bước của quá trình ĐTM không?
- b) Những khó khăn và thách thức phụ nữ phải đối mặt khi tham gia vào quá trình ĐTM?
- c) Những lợi ích của việc phụ nữ tham gia vào quá trình ĐTM?

Để trả lời những câu hỏi này, nhóm nghiên cứu xem xét và phân tích sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM trong bối cảnh Luật Bảo vệ môi trường (LEP) và Chính sách An toàn của Ngân hàng Thế giới và ADB. Ngoài ra, nhóm cũng đã nghiên cứu sự tham gia của phụ nữ và nam giới trong quá trình xây dựng ĐTM của hai dự án cơ sở hạ tầng: (1) Nhà máy thủy điện Trung Sơn, được hỗ trợ bởi Ngân hàng Thế giới; và (2) Dự án bãi bãi chôn lấp rác Hòa Phú tại Buôn Ma Thuột, được hỗ trợ bởi Ngân hàng Phát

triển Châu Á. Dựa trên những kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã đưa ra đề xuất cụ thể cho Nhóm công tác kỹ thuật khu vực (RTWG) về tham vấn cộng đồng trong ĐTM về cách hướng dẫn thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM.

II. MỤC TIÊU

Phần này giải thích ba mục tiêu cụ thể của nghiên cứu này.

1. Hiểu đầy đủ các khía cạnh giới trong việc tham gia vào quá trình ĐTM thông qua việc xem xét các thủ tục hiện hành về ĐTM trong các dự án cơ sở hạ tầng và đánh giá sự tham gia của các nhóm phụ nữ (các chuyên gia kỹ thuật và phụ nữ bị ảnh hưởng) trong các bước của ĐTM.

Nghiên cứu này hướng tới việc hiểu rõ những nhóm phụ nữ nào đã tham gia vào quá trình ĐTM, với tư cách như những người đề xuất, các chuyên gia, đại diện chính phủ và các thành viên của nhóm bị ảnh hưởng, và họ đã tham gia như thế nào. Nghiên cứu này cũng hướng tới việc xác định sự khác biệt trong nhận thức của nam giới và nữ giới về các vấn đề khác nhau. Việc hiểu những khác biệt này sẽ góp phần trả lời câu hỏi nghiên cứu c) về lợi ích của việc phụ nữ tham gia trong các cuộc thảo luận ĐTM.

Việc hiểu biết đầy đủ hơn về khía cạnh giới trong quá trình ĐTM sẽ giúp tìm ra nguyên nhân tại sao phụ nữ không tham gia vào quá trình tham vấn, cũng như những yếu tố nào (thủ tục, xã hội, văn hóa) ảnh hưởng đến họ. Hơn nữa, nghiên cứu hướng tới mục tiêu hiểu rõ các thủ tục và các bước trong quá trình ĐTM cho các dự án đầu tư quy mô lớn và xác định những rào cản ngăn cản sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM.

Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua: 1) rà soát các quy định hiện hành liên quan đến quá trình ĐTM, các báo cáo và văn bản khác của Chính phủ Việt Nam, ADB và Ngân hàng Thế giới; và 2) thảo luận về chủ đề này với các nữ chuyên gia làm việc trong lĩnh vực ĐTM và giới thông qua hội thảo tham vấn. Quá trình này sẽ giúp chỉ ra các bên tham gia vào quá trình ĐTM của các dự án cơ sở hạ tầng. Điều này cũng sẽ giúp việc thiết kế công cụ cho các cuộc phỏng vấn với những chuyên viên tiến hành ĐTM, phụ nữ và các nhóm được xác định khác tại địa phương.

2. Nghiên cứu những hạn chế và lợi ích của việc phụ nữ tham gia vào ĐTM trong các dự án được lựa chọn

Mục tiêu thứ hai của nghiên cứu là để hiểu biết sâu hơn về sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM tại các địa phương và những trở ngại hạn chế sự tham gia của họ trong quá trình ĐTM. Nghiên cứu này không chỉ tập trung vào các cá nhân bên đầu tư của dự án, mà còn tập trung vào những phụ nữ đã đóng góp vào việc chuẩn bị báo cáo ĐTM trong các giai đoạn khác nhau, phụ nữ tại địa phương, là những người chịu ảnh hưởng của dự án, và phụ nữ ở các vị trí lãnh đạo.

Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua các cuộc phỏng vấn, thảo luận nhóm, quan sát và ghi chép diễn biến của cuộc họp. Đối tượng cung cấp thông tin bao gồm cán bộ các cơ quan địa phương và trung ương tham gia vào các giai đoạn khác nhau của dự án, những người đóng góp một vai trò quan trọng trong việc thực hiện ĐTM và các chính sách an toàn. Hơn nữa, nghiên cứu có sự góp mặt của các cơ quan của phụ nữ và người

dân tại khu vực nghiên cứu. Điều này sẽ xác định những khó khăn mà phụ nữ phải đối mặt trong các công việc về ĐTM và những lợi ích mà phụ nữ mang lại cho các dự án bằng cách tham gia vào các giai đoạn khác nhau của dự án.

3. Đưa ra các khuyến nghị cho cả hai hướng dẫn ĐTM ở cấp quốc gia và khu vực về những khía cạnh giới ở các nước thuộc vùng hạ nguồn sông Mê Công

Các kết quả nghiên cứu dự kiến sẽ mở rộng nền tảng kiến thức về sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM và các khuyến nghị rút ra từ nghiên cứu này sẽ là ý kiến đầu vào cho hướng dẫn của khu vực về tham vấn cộng đồng trong ĐTM. Với sự tăng tốc của hội nhập kinh tế giữa các nước trong tiểu vùng hạ nguồn sông Mê Công, việc đảm bảo các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn trong khu vực thân thiện với môi trường và tránh các tác động xấu đến xã hội và giới là rất cấp thiết. Việc lắng nghe tiếng nói của phụ nữ có thể nâng cao chất lượng các báo cáo ĐTM, và do đó cải thiện chất lượng của dự án, đặc biệt là tính trách nhiệm về môi trường và bình đẳng giới.

Bản báo cáo này, gồm các phát hiện và khuyến nghị, chính là các kết quả của mục tiêu. Các thành viên của nhóm nghiên cứu đã trình bày dự thảo báo cáo tại hội thảo với các chuyên gia và tiếp nhận phản hồi của họ để đưa vào phiên bản cuối cùng. Các khuyến nghị của phiên bản cuối cùng đã được trình lên Nhóm công tác kỹ thuật trong khu vực để xem xét xây dựng hướng dẫn về tham vấn cộng đồng trong ĐTM cho khu vực tiểu vùng hạ lưu sông Mê Công.

Ngoài ra, các chuyên gia về ĐTM, các ngân hàng phát triển, các nhà đầu tư, và các quan chức chính phủ tại Việt Nam và trong khu vực có thể sử dụng các khuyến nghị trong báo cáo này như là tài liệu tham khảo. Nghiên cứu này có thể cung cấp nền tảng cho phụ nữ tham gia trong ĐTM cho các dự án cơ sở hạ tầng tương lai trong khu vực, và phát triển những thực hành tốt nhất dựa trên kinh nghiệm của khu vực.

III. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Các câu hỏi nghiên cứu đòi hỏi cách tiếp cận tích hợp để phân tích sự tham gia của công chúng trong ĐTM nói chung và sự tham gia của phụ nữ nói riêng. Quá trình tham vấn cộng đồng trong ĐTM chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: thể chế, tổ chức, kỹ thuật, văn hóa, lịch sử và điều kiện môi trường và bối cảnh địa phương nơi dự án được thực hiện. Mỗi yếu tố lại bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau. Hơn nữa, ĐTM là một quá trình có tính kỹ thuật phải tuân theo pháp luật và quy định quốc gia, đồng thời cũng phải phù hợp với các chính sách của các nhà tài trợ (ví dụ: Ngân hàng Thế giới trong trường hợp Dự án Thủy điện Trung Sơn, và ADB trong Dự án Bãi chôn lấp rác Hoà Phú).

Nghiên cứu xác định các bên liên quan tham gia vào quá trình ĐTM để tìm hiểu sự tương tác của họ liên quan đến sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM. Các bên liên quan bao gồm những người đang trực tiếp hoặc gián tiếp chịu ảnh hưởng của dự án (cả tích cực và tiêu cực), những người đã trực tiếp quản lý các dự án, và những người có trách nhiệm hoạch định chính sách và giám sát việc tuân thủ chính sách liên quan đến ĐTM. Nhóm nghiên cứu đã tổ chức hội thảo tham vấn với các nữ chuyên gia về giới trong ĐTM trong suốt giai đoạn đầu của nghiên cứu nhằm xác định nhóm đối tượng nghiên cứu.

Nghiên cứu này bao gồm các hoạt động sau:

- Phân tích sự tham gia của công chúng nói chung và phụ nữ nói riêng liên quan đến các chính sách ĐTM, Luật Bình đẳng giới và các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới và ADB.
- Phân tích các báo cáo ĐTM của hai dự án về sự tham gia của phụ nữ trong mỗi bước của quy trình ĐTM và các cơ hội cho phụ nữ tham gia để đánh giá mức độ tham gia hiện tại của phụ nữ trong ĐTM.
- Sử dụng phương pháp định tính trong thu thập số liệu: phỏng vấn sâu với những người có thông tin quan trọng, các cuộc thảo luận nhóm và hội thảo chuyên sâu.
- Rà soát tài liệu để phân tích các tài liệu có sẵn.

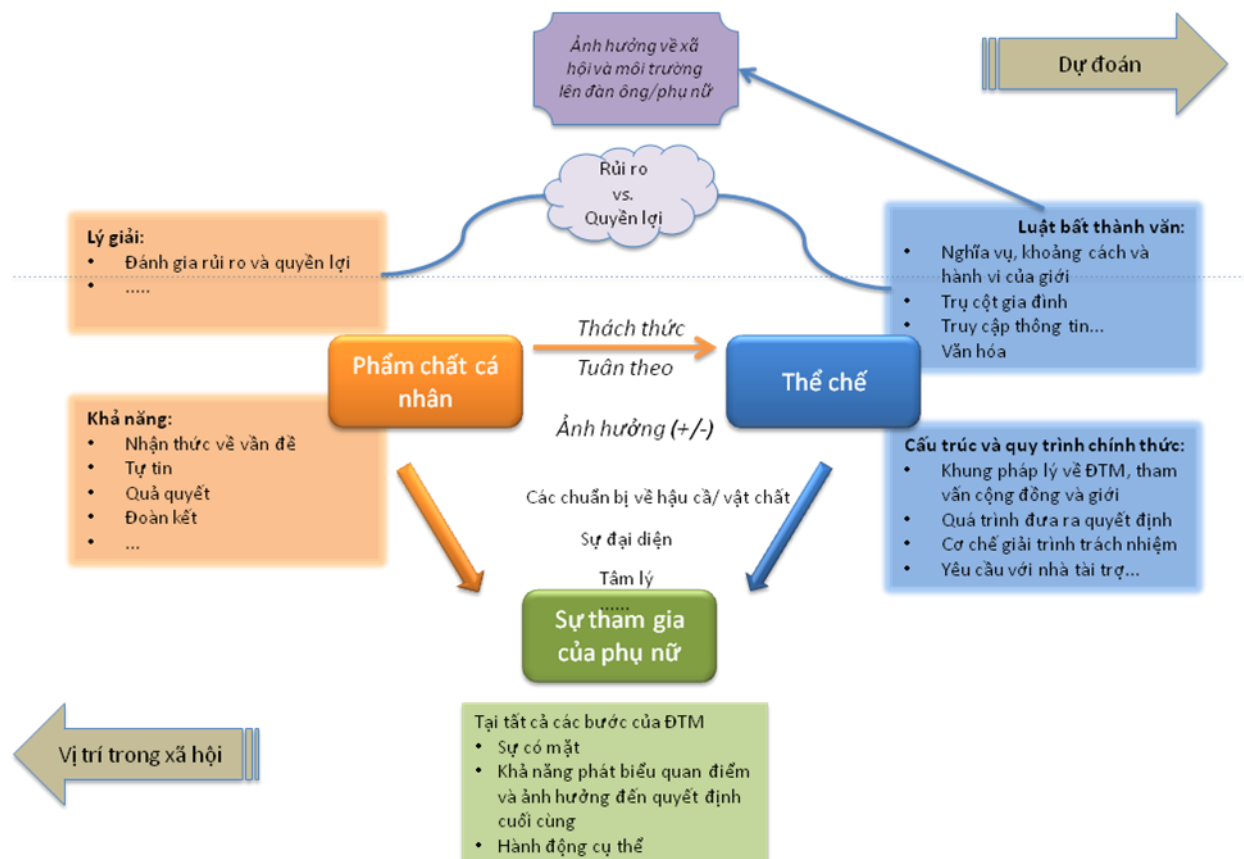
3.1 Khung Nghiên cứu

Khung nghiên cứu được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của Viện Môi trường Stockholm (SEI), bao gồm ba yếu tố cốt lõi là thể chế, phẩm chất cá nhân của phụ nữ và sự tham gia của phụ nữ. Yếu tố thể chế có hai khía cạnh: 1) các cấu trúc và quy trình chính thức; và 2) các quy tắc và tiêu chuẩn không chính thức. Cấu trúc và các quy trình chính thức liên quan đến các khuôn khổ pháp lý về ĐTM, sự tham gia của công chúng và giới; quá trình ra quyết định chính thức; cơ chế trách nhiệm giải trình; các yêu cầu và chính sách an toàn của các nhà tài trợ. Các quy tắc và chuẩn mực phi chính thức đề cập đến chuẩn mực về văn hoá và xã hội đối với phụ nữ và nam giới để xác định vai trò giới, trụ cột trong gia đình, và tiếp cận thông tin giữa các nhóm xã hội. Các yếu tố chính thức và không chính thức đóng góp vào các sắp xếp cơ học và logic có thể làm hạn chế hoặc thúc đẩy sự tham gia vào quá trình tham vấn. Phẩm chất cá nhân của phụ nữ đề cập đến khả năng họ có thể tạo ra những thay đổi trong cuộc sống của họ. Ở cấp độ cá nhân, phụ nữ có thể lựa chọn cách hoặc chống lại tư tưởng xã hội phụ quyền, là nguyên nhân ngăn

cản sự tham gia của phụ nữ hoặc chấp nhận thực trạng đó. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của phụ nữ, bao gồm: nhận thức về tác động xã hội và kinh tế của các dự án phát triển lên phúc lợi của họ; đánh giá của họ về những rủi ro có thể thấy trước khi đi ngược lại với các chuẩn mực giới so với những lợi ích của việc tham gia vào quá trình tham vấn; và sự tự tin và quyết đoán của họ để nâng cao tiếng nói của phụ nữ trong chế độ do nam giới nắm quyền điều hành.

Các nhà nghiên cứu đánh giá sự tham gia của phụ nữ ở tất cả các bước của quá trình ĐTM dựa theo thước đo phân loại sự tham gia của Agarwal (2001). Sử dụng thang điểm này, các nhà nghiên cứu đã xác định liệu sự tham gia của phụ nữ chỉ là trên danh nghĩa, thụ động, hay mang tính tư vấn, chủ động hoặc có quyền quyết định.²

Hình 1: Khung nghiên cứu về sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM



3.2 Phương pháp

Nhóm nghiên cứu đã áp dụng cách tiếp cận định tính khi thu thập dữ liệu để hiểu về mức độ, tính chất và kết quả của sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM ở hai điểm nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu chuẩn bị câu hỏi cho các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung với những người mang thông tin quan trọng tại Hà Nội, Trung Sơn và Buôn Ma Thuột, thực hiện các cuộc phỏng vấn và thảo luận theo nhóm từ 2-3

² Tham gia chỉ trên danh nghĩa: sự có mặt theo mặc định; tham gia thụ động: tham dự để lắng nghe và được thông báo về quyết định mà không lên tiếng; tham gia tư vấn: người tham gia sẽ được hỏi về một vấn đề cụ thể mà nhưng không ảnh hưởng đến quyết định cuối cùng; tham gia tích cực: thể hiện ý kiến hoặc tham gia đưa ra các sáng kiến; tham gia có quyền quyết định: có ảnh hưởng đến quyết định.

nhà nghiên cứu và một người hỗ trợ địa phương. Nhóm nghiên cứu ghi lại cẩn thận các thông tin và dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

Những người mang thông tin quan trọng và người tham gia thảo luận nhóm có thể được chia thành hai nhóm: A) các nhà hoạch định chính sách, quản trị, các chuyên viên về giới và ĐTM; và B) những người phụ nữ mô tả và tái xây dựng lại các mức độ, tính chất và các kết quả của sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM tại hai điểm nghiên cứu. Cách tạo nhóm như vậy đã đáp ứng khung nghiên cứu và phản ánh những khuyến nghị của các chuyên gia ĐTM và giới khi tham gia hội thảo tổ chức ngày 04 tháng 6 năm 2015.

Những người tham gia trong nhóm A như sau:

- Các cán bộ nhà nước, cán bộ quản lý môi trường
- Chính quyền địa phương: UBND xã, trưởng thôn
- Ban Quản lý dự án (PMU)/ người điều hành dự án/ đại diện chủ dự án
- Các nhà tài trợ
- Các thành viên Hội đồng thẩm định ĐTM, đại diện nhóm tư vấn ĐTM
- Các chuyên gia xã hội và giới tại Việt Nam
- Lãnh đạo nữ của cộng đồng/ Hội Liên hiệp Phụ nữ

Những người tham gia trong nhóm B là nữ đại diện cho các bên liên quan như sau:

- 1) Chủ dự án: lãnh đạo các dự án/tổ chức đầu tư
- 2) Các chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật có liên quan bao gồm các chuyên gia môi trường là thành viên của nhóm tư vấn ĐTM
- 3) Các chuyên gia xã hội/ giới, và các thành viên của nhóm ĐTM
- 4) Người dân địa phương đang trực tiếp hoặc gián tiếp chịu ảnh hưởng của dự án
- 5) Lãnh đạo/ thành viên của Hội phụ nữ địa phương tại các địa phương chịu ảnh hưởng của dự án
- 6) Các trưởng nhóm tư vấn ĐTM
- 7) Lãnh đạo UBND tỉnh/ huyện/ Sở TNMT và các thành viên của ủy ban thẩm định ĐTM cho các dự án liên tỉnh
- 8) Lãnh đạo Cục Thẩm định và ĐTM thuộc Tổng Cục Môi trường, là những người đã tham gia vào các hội đồng thẩm định ĐTM của dự án liên tỉnh/ quan trọng ở cấp quốc gia
- 9) Các chuyên gia ĐTM hoặc chuyên gia kỹ thuật hoặc chuyên gia xã hội, những người tham gia vào các hội đồng thẩm định ĐTM như một thành viên
- 10) Giảng viên dạy các môn liên quan đến ĐTM tại các trường đại học
- 11) Lãnh đạo của các tổ chức phi chính phủ trong nước quan tâm đến quá trình ĐTM và tham gia vào giám sát các tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐTM

- 12) Các chuyên gia về giới và các cán bộ đầu mối về giới làm việc với các tổ chức hoặc các nhà tài trợ quốc tế, người chịu trách nhiệm cho việc tích hợp và giám sát lồng ghép giới vào đánh giá tác động môi trường, xã hội của các dự án đầu tư và các chương trình cũng như kế hoạch tái định cư
- 13) Các chuyên gia tham gia xây dựng/ chuẩn bị các quy định và hướng dẫn liên quan đến ĐTM

Các nhà nghiên cứu đã xây dựng các danh sách kiểm tra (xem Phụ lục 1) để hướng dẫn phỏng vấn cho từng nhóm đối tượng. Trong các cuộc phỏng vấn, khi nhóm nghiên cứu hỏi những câu hỏi từ trong danh sách, những người phỏng vấn hỏi xuôi theo dòng chảy của cuộc hội thoại với người được phỏng vấn nhưng vẫn bám sát vào mục tiêu của dự án nghiên cứu.

3.3 Các hoạt động tại Hà Nội

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm tại Hà Nội trong tháng 6-tháng 7 năm 2015. Tổng cộng có 16 người được phỏng vấn tại Hà Nội (xem Phụ lục 2). Bao gồm đại diện của Cục thẩm định và ĐTM của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các phòng ban liên quan đến an toàn môi trường và xã hội, các chuyên gia về giới của Ngân hàng Thế giới và ADB, những người đã trực tiếp tham gia các hoạt động liên quan đến Dự án thủy điện Trung Sơn và bãi chôn lấp rác Hòa Phú, các chuyên gia đã tiến hành tham vấn cộng đồng tại hai khu vực dự án và cán bộ Ban QLDA Thủy điện Trung Sơn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu cũng tổ chức hai cuộc họp tham vấn ở Hà Nội. Cuộc họp đầu tiên diễn ra vào tháng 6 năm 2015 với chuyên gia nữ về giới và ĐTM để lấy ý kiến đóng góp của họ cho việc thiết kế nghiên cứu. Cuộc họp thứ hai được tổ chức vào tháng 11 năm 2015 để trình bày các kết quả nghiên cứu và thu thập góp ý, khuyến nghị phản hồi cho báo cáo. Tham gia cuộc họp bao gồm các chuyên gia nữ, cán bộ nhà nước, các nhà nghiên cứu, và đại diện của các tổ chức phi chính phủ làm việc về giới và ĐTM.

3.4 Thu thập dữ liệu từ hai địa bàn nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành hai chuyến công tác thực địa tới Dự án thủy điện Trung Sơn và Bãi chôn lấp rác Hòa Phú vào tháng 5 năm 2015. Mỗi nhóm có một nghiên cứu chính, một nghiên cứu viên và một liên lạc viên địa phương. Trước khi tiến hành các chuyến thực địa, nhóm nghiên cứu đã xem xét và thảo luận các câu hỏi, các quy tắc cơ bản của phỏng vấn và phương pháp ghi chép³. Nhóm đã gửi chương trình, chủ đề thảo luận và câu hỏi cho Ban quản lý của hai dự án cơ sở hạ tầng để lấy ý kiến đóng góp và đã sửa đổi cách tiếp cận của nhóm theo những phản hồi của họ.

Thu thập dữ liệu về dự án thủy điện Trung Sơn

³ Các cuộc phỏng vấn được thực hiện bởi một nhóm nghiên cứu: những nhà nghiên cứu chính dẫn dắt cuộc phỏng vấn trong khi nhà nghiên cứu khác ghi chép và ghi âm. Thông tin trong máy ghi âm sẽ bổ sung cho các ghi chú khi cần thiết.

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành 12 cuộc phỏng vấn với đại diện của các cơ quan chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị và xã hội (cụ thể là Ban Quản lý dự án Trung Sơn, UBND xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc, người dân làng Tà Bán, Co Me và Tổ Xước). Nhóm nghiên cứu cũng tiến hành tám cuộc phỏng vấn sâu với phụ nữ và nam giới trực tiếp hoặc gián tiếp chịu ảnh hưởng của dự án từ làng Tà Bán, Co Me và làng Tổ Xước ở xã Trung Sơn. Nhóm cũng tiến hành một cuộc thảo luận nhóm với nam giới và một cuộc thảo luận nhóm với phụ nữ ở làng Tà Bán (xem danh sách người được phỏng vấn và thảo luận nhóm tại Phụ lục 2).

Bảng 1: Mô tả tóm tắt các điểm nghiên cứu ở xã Trung Sơn

Địa bàn nghiên cứu	Số hộ dân cư	Nhóm dân tộc	Sinh kế
Xã Trung Sơn	561	Thái, Mường	Nông nghiệp (lúa, sắn, ngô), lâm nghiệp (tre), chăn nuôi, thủy sản và thủ công mỹ nghệ.
Làng Tà Bán	183	Thái, Mường	Thu nhập chủ yếu từ tre, sắn và ngô.
Làng Co Me	112	Thái, Mường	Thu nhập chủ yếu từ trồng đồn điền tre, sắn và gạo. Hầu hết người dân tộc Thái là nông dân.
Làng Tổ Xước	30	Thái, Mường	Thu nhập chủ yếu từ tre, sắn, ngô và chăn nuôi.

Thu thập dữ liệu từ Dự án Bãi chôn lấp rác Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành ba cuộc phỏng vấn với các đại diện của các cơ quan chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị và xã hội, ví dụ như DAKURENKO, Ban Quản lý Dự án DAKURENKO, Phòng Tài nguyên và Môi trường TP Buôn Ma Thuột. Hai cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện với những người phụ nữ sống bên cạnh bãi chôn lấp rác.

Tổng cộng có bốn cuộc thảo luận nhóm tập trung đã được thực hiện (xem Phụ lục 2). Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thảo luận nhóm với các đại diện của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị và xã hội, bao gồm các Ban Quản lý dự án của Ủy ban nhân dân thành phố, DAKURENKO, Ban Quản lý Dự án DAKURENKO, Phòng Tài nguyên và Môi trường TP Buôn Ma Thuột. Ngoài ra, còn có sự tham gia của các nhà lãnh đạo địa phương xã Hòa Phú, như Chủ tịch xã, UBND, Mặt trận Tổ quốc xã, chủ tịch phụ nữ, đại diện cho làng 11 tiếp giáp với bãi rác gồm: Trưởng làng, đại diện của Mặt trận Tổ quốc, đại diện hội nông dân và các cán bộ phụ trách nước nông thôn. Nhóm nghiên cứu cũng tiến hành thảo luận nhóm với người dân địa phương đã bị mất đất và phải tái định cư và những người sống bên cạnh bãi chôn lấp rác.

Những hạn chế trong việc thu thập dữ liệu

Tại thời điểm nghiên cứu được tiến hành, hơn năm năm đã trôi qua kể từ khi tham vấn ĐTM tại Trung Sơn và hơn một năm trôi qua từ khi tham vấn tại Hòa Phú được thực hiện. Do đó, những thông tin được nhớ lại bị hạn chế và không đưa ra đầy đủ những hiểu biết về tính chủ quan và phẩm chất cá nhân của phụ nữ từ những trải nghiệm của họ trong các cuộc tham vấn cộng đồng về ĐTM. Những người bị ảnh hưởng và sống gần dự án bãi chôn lấp rác Hòa Phú cũng không sẵn lòng gặp nhóm nghiên cứu vì những lo lắng của họ về dự án. Vì vậy, số liệu về quan điểm của phụ nữ từ nhóm này còn hạn chế.

IV. CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG VỀ ĐTM VÀ SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ TẠI VIỆT NAM

Chương này trình bày phân tích cụ thể về giới và khung pháp lý và những chính sách liên quan đến bình đẳng giới, tham vấn cộng đồng và ĐTM. Phân tích bao gồm các khung pháp lý của Việt Nam cũng như các chính sách của ADB và Ngân hàng Thế giới. Mục đích của chương này là làm sáng tỏ liệu chính sách môi trường có tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tham gia vào quá trình ĐTM hay chưa và như thế nào.

4.1 Khung pháp lý cho việc đánh giá tác động môi trường và tham vấn cộng đồng

Trong Luật Bảo vệ Môi trường đầu tiên ban hành năm 1993 chỉ có 1 điều đề cập đến ĐTM, nhưng đến nay trong Luật Bảo vệ Môi trường được sửa đổi (2014) đã có một chương đề cập đến ĐTM (Chương II, Điều 18-28). Những hướng dẫn cụ thể hơn về việc thực hiện ĐTM có thể thấy trong Nghị định số 18/2015NĐ-CP, Điều 12 đến 17, và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT, Điều 6 đến 11. Theo Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn, tham vấn cộng đồng phải là một phần bắt buộc trong ĐTM. Cụ thể, chủ dự án phải tham vấn ý kiến của cộng đồng và các tổ chức chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án trong khi tiến hành ĐTM và sau khi soạn thảo báo cáo ĐTM. Việc tham vấn nhằm mục đích thu thập và giải quyết "ý kiến khách quan" và "khuyến nghị hợp lý" từ các bên được tham vấn để "hạn chế thấp nhất tác động bất lợi đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng". Tuy nhiên các văn bản hướng dẫn không chỉ rõ làm thế nào để tiến hành tham vấn trong quá trình đánh giá, nhưng hướng dẫn quy trình tham vấn cho báo cáo ĐTM. Theo hướng dẫn này, chủ dự án phải gửi dự thảo báo cáo ĐTM cho UBND xã tại khu vực dự án và các tổ chức có thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án. Các cuộc họp tham vấn phải được đồng tổ chức bởi chủ dự án và Ủy ban nhân dân, với sự tham gia của đại diện các tổ chức đoàn thể chính thức, các tổ chức chuyên nghiệp và cộng dân cư. Ý kiến phản hồi sẽ gửi lại cho chủ dự án trong vòng 15 ngày làm việc.

Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn không đề cập đến sự tham gia của phụ nữ nhưng cũng có thể cho rằng các tổ chức chính trị-xã hội tham gia tham vấn đã bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Trên thực tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ không được tham gia trong các buổi tham vấn. Các ý kiến phản hồi chủ yếu do Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đưa ra.

4.2 Các chính sách về bình đẳng giới của Chính phủ Việt Nam

Luật Bình đẳng giới đã được ban hành vào năm 2006 và là tài liệu quan trọng nhất đối với việc thúc đẩy và thực hiện bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực bao gồm các lĩnh vực ĐTM. Điều 4 của Luật quy định rằng các mục tiêu bình đẳng giới là để "xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình". Điều 6 nêu lên sáu nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới, các nguyên tắc này

phải được áp dụng trong tất cả các khía cạnh, xây dựng pháp luật và phát triển kinh tế-xã hội (hộp 1)

Hộp 1 **Sáu nguyên tắc cơ bản của bình đẳng giới**

1. Nam, nữ bình đẳng trong mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội và gia đình.
2. Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới
3. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới
4. Chính sách bảo vệ và hỗ trợ và người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới
5. Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi các luật
6. Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân

Điều 19 quy định các biện pháp thực hiện nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, bao gồm các biện pháp đảm bảo tỷ lệ của nam giới và phụ nữ hoặc bảo đảm tỷ lệ hợp lý của các thành viên tham gia là phụ nữ và các thành viên thụ hưởng là phụ nữ. Điều 20 quy định các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới áp dụng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt trong việc xây dựng, sửa đổi và bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Các chính sách trong các lĩnh vực khác nhau đang được triển khai thực hiện ở những mức độ khác nhau. Thực hiện áp dụng Luật Bình đẳng giới và lồng ghép giới vào Luật BVMT và các quy định về ĐTM cần phải được đẩy mạnh hơn nữa. Các nguyên tắc và yêu cầu đối với các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới đã không được xem xét và đưa vào trong quy định mới về ĐTM, cụ thể là Nghị định 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT.

4.3 Các chính sách về An toàn môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới

Chính sách An toàn về Môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới được mô tả trong Chính sách hoạt động 4.00 và Thủ tục 4.00. Các chính sách về An toàn bao gồm Đánh giá môi trường và các kế hoạch hành động môi trường, tiêu chuẩn hoạt động cho khu vực tư nhân, môi trường sống tự nhiên, quản lý tài nguyên nước, phòng trừ sâu bệnh, người dân bản địa, tài nguyên văn hóa vật thể, tái định cư bắt buộc, giới và phát triển, rừng và sự an toàn của đập nước. Chính sách hoạt động của Ngân hàng về Giới và Phát triển chỉ đề cập đến đánh giá về giới như một hoạt động riêng rẽ để đưa vào chiến lược hỗ trợ quốc gia của Ngân hàng và để thông báo các chính sách và quyết định của Ngân hàng về các dự án. Tuy nhiên, chính sách này không đề cập đến đánh giá về giới trong quá trình ĐTM.

Tham vấn cộng đồng là một nguyên tắc xuyên suốt. Chính sách đánh giá môi trường (OP 4.01) phân loại các dự án đề xuất thành bốn loại dựa trên mức độ nghiêm trọng của các tác động bất lợi đối với môi trường. Đối với các dự án được phân loại trong nhóm A (các tác động môi trường đáng kể) và B (các tác động môi trường lên từng khu

vực cụ thể), chủ dự án phải tiến hành ĐTM và tham khảo ý kiến các nhóm chịu ảnh hưởng của dự án và các tổ chức phi chính phủ địa phương về tác động môi trường của dự án và cân nhắc những quan điểm của họ. Đối với dự án nhóm A, chủ dự án phải tiến hành ít nhất hai cuộc họp tham vấn: "(a) một tham vấn ngay sau bước sàng lọc môi trường và trước khi các điều khoản tham chiếu cho đánh giá môi trường được hoàn thiện; và (b) một tham vấn khi báo cáo dự thảo đánh giá môi trường được chuẩn bị"⁴. Chính sách điều hành về Môi trường sống tự nhiên đòi hỏi phải tham khảo ý kiến "các bên chủ chốt có liên quan, bao gồm các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng địa phương, và những người liên quan đến thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án, trong đó có kế hoạch ngăn ngừa". Ngoài các quy định về tham vấn cộng đồng trong đánh giá xã hội và môi trường và trong suốt quá trình thực hiện dự án, chính sách về Tái định cư bắt buộc và Dân tộc bản địa yêu cầu chủ dự án thảo luận với cộng đồng bị ảnh hưởng trong suốt quá trình thiết kế, thực hiện và giám sát việc tái định cư, hoặc các kế hoạch quản lý.

Công khai thông tin là một nguyên tắc quan trọng trong Chính sách điều hành nhằm đảm bảo sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan trong ĐTM. Ví dụ, Chính sách điều hành về Đánh giá môi trường quy định rằng chủ án sẽ cung cấp "tài liệu kịp thời trước quá trình tham vấn, với ngôn ngữ và hình thức dễ hiểu, dễ tiếp cận với các nhóm được tham vấn" trước và sau khi tiến hành ĐTM. Chính sách điều hành về Tái định cư bắt buộc yêu cầu công khai thông tin về quyền của người di dời nhằm "đưa ra các phương án tái định cư dự phòng khả thi về mặt kỹ thuật và kinh tế". Chính sách điều hành về Dân tộc bản địa nhấn mạnh các nguyên tắc đồng thuận dựa trên cơ sở tự nguyện, được thông báo trước và được thông tin đầy đủ.

Các chính sách điều hành chưa cân nhắc tới các tác động khác biệt về giới của các dự án được đề xuất đối với nam và nữ, chưa đề cập đến các vấn đề cản trở sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng. Chính sách điều hành về Dân tộc bản địa (OP 4.10) đưa ra đề xuất "đặc biệt chú ý đến các mối quan tâm của phụ nữ, thanh niên và trẻ em bản địa và sự tiếp cận các cơ hội phát triển và lợi ích của họ", nhưng lại không đề cập cụ thể phải làm điều đó như thế nào khi tham vấn cộng đồng trong ĐTM. Tuy nhiên, có một lưu ý tích cực là trong tám tiêu chuẩn hoạt động Bền vững Môi trường và Xã hội của Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC, một thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới, các tiêu chuẩn thực hiện với Dân tộc bản địa, yêu cầu đánh giá về đất và tài nguyên thiên nhiên bắt buộc phải bao gồm các yếu tố về giới và đặc biệt xem trọng vai trò của phụ nữ trong việc quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên này.⁵

4.4 Tuyên bố Chính sách về An toàn môi trường và Xã hội của ADB

Trong năm 2009, ADB đã ban hành Tuyên bố Chính sách An toàn (SPS), hợp nhất ba chính sách an toàn về môi trường (Biện pháp an toàn về môi trường), tái định cư (An toàn tái định cư), và đồng bào dân tộc thiểu số (An toàn đối với người dân tộc bản địa).

⁴<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTOPMANUAL/0,,contentMDK:20403235~menuPK:4564185~pagePK:64709096~piPK:64709108~theSitePK:502184,00.html>

⁵ http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/1ee7038049a79139b845faa8c6a8312a/PS7_English_2012.pdf?MOD=AJPERES

Tuyên bố Chính sách An toàn (SPS) mô tả các nguyên tắc chính sách và các yêu cầu đảm bảo biện pháp an toàn mà các đối tác phải thực hiện theo ba lĩnh vực an toàn chính. Các chính sách này cũng đưa ra các quy trình để các đối tác thực hiện các chính sách an toàn, cũng như vai trò của ADB và các quy trình thủ tục theo dõi, giám sát, và thẩm tra pháp lý trong suốt vòng đời dự án.

Tuyên bố Chính sách An toàn (SPS) định nghĩa việc tham vấn có ý nghĩa là:

"Một quá trình (i) bắt đầu sớm từ giai đoạn chuẩn bị dự án và được thực liên tục trong suốt quá trình dự án; (ii) công khai kịp thời và đầy đủ các thông tin liên quan, dễ hiểu và dễ tiếp cận với những người bị ảnh hưởng; (iii) được thực hiện trong không khí thoải mái, không có sự đe dọa hoặc cưỡng ép; (iv) lồng ghép giới và có trách nhiệm về giới, và phù hợp với nhu cầu của các nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương; và (v) cho phép tất cả các quan điểm có liên quan của những người bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác được đưa vào việc ra quyết định, chẳng hạn như thiết kế dự án, các biện pháp giảm thiểu, việc chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và các vấn đề thực hiện".

Tham vấn có ý nghĩa là một nguyên tắc xuyên suốt trong tất cả các lĩnh vực chính của các chính sách an toàn. Các biện pháp an toàn về môi trường đã đưa ra những yêu cầu đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong quá trình tham vấn, để gắn kết với những người bị ảnh hưởng và các tổ chức NGO như các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị dự án và ra quyết định, và công bố thông tin kịp thời, ở vị trí dễ tiếp cận với hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu cho các bên liên quan. Ngoài việc tham vấn có ý nghĩa, chính sách An toàn về Tái định cư bắt buộc yêu cầu sự tham gia của nhóm người dân bị ảnh hưởng vào quá trình lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các kế hoạch tái định cư. Các chính sách an toàn cũng chú ý đến nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, người không có đất, phụ nữ và trẻ em, người già và người dân tộc bản địa. Các biện pháp An toàn Dân tộc bản địa đòi hỏi phải đánh giá tính phù hợp về văn hóa xã hội và nhạy cảm giới, phát triển năng lực và các cơ chế khiếu nại.

Mặc dù sự tham gia của phụ nữ trong quá trình tham vấn đã được nhấn mạnh, nhưng SPS không xác định phụ nữ là một nhóm riêng biệt của các bên liên quan mà coi họ như là một phần của cộng đồng hoặc người dân tộc bản địa bị ảnh hưởng. SPS không xem xét chi tiết thực tế là phụ nữ và nam giới không có tiếp cận thông tin bình đẳng trong cộng đồng bởi sự chênh lệch về giáo dục, trình độ hiểu biết ngôn ngữ quốc gia, và các vai trò, quan niệm xã hội. Các nguyên tắc về công khai thông tin không bao gồm các quy định xử lý những trở ngại tiếp cận thông tin cho phụ nữ.

Chính sách An toàn Dân tộc bản địa yêu cầu sự tôn trọng với các quyền theo phong tục đối với đất đai và tài sản của tổ tiên để lại, tuy nhiên chính sách này không giải quyết được mâu thuẫn giữa tục lệ và quyền của phụ nữ. Trong trường hợp thiếu sự ủng hộ trực tiếp về quyền phụ nữ, các chính sách này vẫn cho phép sự tồn tại dai dẳng sự bất bình đẳng về giới và làm tăng thêm sự bất bình đẳng lâu đời trong việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn tài nguyên.

Nhìn chung, Tuyên bố Chính sách An toàn (SPS) thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng, nhưng thực tế việc thiếu các chuyên gia về giới làm giảm tính thực thi của chính sách. Chính sách này không có các yêu cầu về tham vấn ý kiến chuyên gia giới trong quá trình chuẩn bị, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án. Chính sách này cũng có ít hướng dẫn về lồng ghép giới.

V. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

5.1 Thủy điện Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Dự án Thủy điện Trung Sơn (TSHPP) là một dự án quy mô vừa của chính phủ với công suất thiết kế là 260 MW. Dự án nằm ở xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, dự kiến sẽ tạo ra trung bình 1.018,6 GWh mỗi năm (PECC4, 2008). Tổng chi phí ước tính của dự án là 412 triệu đô la Mỹ, trong đó 330 triệu đô la Mỹ đã được cấp thông qua một khoản vay từ Ngân hàng Thế giới. Dự án do Tổng công ty Điện lực Việt Nam xây dựng.

Cơ sở hạ tầng của dự án bao gồm một đập cao 84,5m và dài 513m, một hồ chứa bao phủ 13 km² với công suất 348,5 triệu m³. Nối liền với đường chính dài 20 km từ huyện Mai Châu (tỉnh Hòa Bình) đến huyện Trung Sơn (tỉnh Thanh Hóa), một khu vực có 4,000 lao động tại thời kỳ cao điểm, và 65 km đường dây truyền tải (PECC4, 2008).

Công trình đầu mối của dự án nằm ở vị trí 95 km về phía tây nam của thành phố Hòa Bình và 195 km về phía tây bắc của thành phố Thanh Hoá. Phía cuối của hồ chứa cách biên giới Lào khoảng 9,5 km. Tổng diện tích dự án là khoảng 78.000 ha bao gồm sáu xã và một thị trấn của ba huyện của hai tỉnh (bốn xã thuộc các huyện Quan Hóa và Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; hai xã thuộc huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La và thị trấn Mường Lát tỉnh Thanh Hóa). 2.327 hộ và 10,591 người bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc tái định cư. Chín mươi phần trăm trong số đó là người Thái, Mường và các nhóm dân tộc thiểu số H'mông (SESIA-TSHPP, 2011). Sinh kế chính của họ là canh tác lúa (70-80%), chăn nuôi (10%), thu gom tre và lâm sản. Tỷ lệ hộ nghèo ở các cộng đồng bị ảnh hưởng là rất cao, đặc biệt là trong nhóm người H'mông (DRCC, 2008). TSHPP cũng ảnh hưởng đến ba khu bảo tồn quốc gia là Xuân Nha, tỉnh Sơn La, Pù Hu ở tỉnh Thanh Hóa, và Hang Kia - Pà Cò, tỉnh Hòa Bình.

Báo cáo ĐTM và đánh giá khác của dự án đã được thực hiện từ năm 2008 đến năm 2010. Quá trình xây dựng được bắt đầu vào năm 2011 và vẫn còn đang tiếp diễn. Dự kiến, các hồ chứa sẽ được bơm đầy trong năm 2016 và các nhà máy thủy điện sẽ được hoàn thành vào năm 2017.

Hình 2: Vị trí của dự án thủy điện Trung Sơn



Báo cáo ĐTM của thủy điện Trung Sơn và tham vấn với phụ nữ

ĐTM đầu tiên của Thủy điện Trung Sơn do Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4) tiến hành trong năm 2008. Đây là một công ty nhà nước cung cấp dịch vụ tư vấn về phát triển năng lượng và đầu tư. Các cộng đồng bị ảnh hưởng đã được tham vấn sau khi có bản dự thảo báo cáo ĐTM. Một bản tóm tắt của dự thảo báo cáo ĐTM đã được gửi đến Ủy ban nhân dân xã và Mặt trận Tổ quốc, là cơ quan tuyên truyền của đảng tại 9 xã bị ảnh hưởng. Kết quả tham vấn cộng đồng được ghi lại trong Chương 8 của báo cáo ĐTM. Không có phản đối nào về các nội dung của báo cáo ĐTM cũng như không có ghi chép nào về sự tham gia của phụ nữ. Báo cáo ĐTM này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 17 tháng 6 năm 2008.

Vì 80% nguồn đầu tư của dự án là vay từ Ngân hàng Thế giới, dự án được yêu cầu phải tuân thủ theo Chính sách An toàn Xã hội và Môi trường của Ngân hàng Thế giới. Chủ dự án phải tiến hành Đánh Giá Tác động Môi trường & Xã hội bổ sung (SESIA), Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP), Kế hoạch Tái định cư, sinh kế và phát triển (RLDP) của đồng bào dân tộc thiểu số dựa trên các hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới. Các báo cáo trên được sự chấp thuận của Ngân hàng Thế giới trong tháng 01 năm 2011.

Các tham vấn cộng đồng về đánh giá tác động xã hội và môi trường đã được tổ chức trong ba đợt và kết hợp với chương trình tái định cư. Đợt đầu tiên được tiến hành vào tháng 7 năm 2008 tại 14 thôn chịu ảnh hưởng của việc xây dựng hồ chứa nước. Đợt thứ hai được tiến hành giữa tháng 12 năm 2008 và tháng 1 năm 2009 tại 27 thôn bị ảnh hưởng của việc xây dựng đường bộ. Đợt thứ ba được tiến hành ở 12 thôn từ năm 2009 đến 2010. Tham vấn cộng đồng với các thôn chịu ảnh hưởng trực tiếp bao gồm 2 phần: phần tham vấn cộng đồng về tác động môi trường, và tham vấn cộng đồng về bồi thường và tái định cư. Ở cấp huyện, tham vấn cộng đồng đã được tiến hành ở huyện Mường Lát, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, và huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Các đại biểu đến từ các cơ quan chức năng, ít nhất một đại diện từ mỗi thôn bị ảnh hưởng trong huyện và đại diện của chính quyền tỉnh. Ở cấp tỉnh, tham vấn cộng đồng đã được tiến hành tại 3 tỉnh gồm Thanh Hóa, Hòa Bình và Sơn La với sự tham gia của các ban ngành có liên quan như Phòng điện lực, Phòng dân tộc thiểu số, Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng tài nguyên và môi trường, Phòng lao động và vấn đề xã hội. Ở cấp quốc gia, tham vấn với các tổ chức xã hội dân sự đã được tổ chức tại Hà Nội tháng 3 năm 2010 với đại diện của các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế và các cá nhân khác. (SESIA -TSHPP, 2011)

Đại diện của Mạng lưới Sông ngòi Việt Nam và PanNature đã tham gia quá trình tham vấn với tư cách là quan sát viên. Cuộc họp tham vấn cộng đồng ở cấp thôn sử dụng các phương pháp khác nhau như sử dụng ngôn ngữ địa phương, tài liệu hình ảnh số/âm thanh, tác phẩm nghệ thuật để đảm bảo đồng bào dân tộc thiểu số như H'Mông, Thái, Mường hiểu và truyền đạt được suy nghĩ của mình về dự án. Trong cuộc tham vấn cộng đồng ở đây, phụ nữ dân tộc thiểu số được xác định là một nhóm riêng cần được tham vấn, do đó số lượng phụ nữ tham gia vào các cuộc họp tham vấn riêng này cao hơn so

với các cuộc họp chỉ mời đại diện hộ gia đình. Có 2.324 người tham gia vào các cuộc tham vấn, trong đó phụ nữ chiếm 40%. Sự tham gia của phụ nữ từ nhiều nhóm dân tộc chính như Thái với 43% và Mường với 25% chiếm tỷ lệ cao hơn các nhóm dân tộc thiểu số như H'Mông.

5.2 Bãi chôn lấp chất thải rắn tại Hòa Phú, Buôn Ma Thuột

Xã Hòa Phú có diện tích 5.104 ha, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 14 km. Toàn xã có 3.413 hộ (16.419 người); trong đó, 808 hộ (5.115 người) là người dân tộc thiểu số. Đời sống của họ chủ yếu là trồng cao su, mía đường và các trang trại nhỏ. Xã Hòa Phú đã được chọn để xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn (SWTP) của thành phố Buôn Ma Thuột. Nhà máy là một thành phần của dự án phát triển thành phố cấp hai do ADB tài trợ nhằm mục đích xây dựng Buôn Ma Thuột cùng với thành phố Hà Tĩnh (tỉnh Hà Tĩnh) và thành phố Tam Kỳ (tỉnh Quảng Nam) trở thành trung tâm phát triển kinh tế của khu vực.

Quy hoạch xây dựng SWTP được phê duyệt theo Quyết định số 937/ QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013. SWTP nằm tại thôn số 11, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Tổng diện tích giai đoạn I là 10,8 ha cho các công trình xây dựng. Bãi chôn lấp chất thải rắn mới chỉ hoàn thành được nửa quy mô. Thời gian hết hạn là 7 năm (từ 2016 đến 2022). Bãi chôn lấp chất thải rắn phục vụ các khu vực bên trong và bên ngoài của thành phố Buôn Ma Thuột.

Các hoạt động chính của dự án bao gồm xây dựng 813 m đường để chuyển rác thải từ các khu công nghiệp, công trình xây dựng tòa nhà điều hành, hai khu vực bãi chôn lấp hợp vệ sinh và mương thoát nước trung tâm. Tổng mức đầu tư là 13 triệu đô la Mỹ. Công ty Môi trường đô thị Đắk Lắk nhận trách nhiệm quản lý và điều hành dự án.

Dự án đã chuẩn bị một báo cáo ĐTM, theo quy định của Luật BVMT năm 2005 và Nghị định 29/2011, và Chính phủ đã phê duyệt báo cáo ĐTM vào tháng 5 năm 2014. Để thực hiện theo quy định của ADB Tuyên bố Chính sách An toàn, Kiểm tra Môi trường ban đầu (IEE) đã được thực hiện cho bãi chôn lấp rác này (tháng 6 năm 2009). Các cuộc họp tham vấn về IEE được tổ chức với đại diện của chín tổ chức và hai cộng đồng với sự tham gia của 112 người (trong đó có 34 phụ nữ). Ủy ban Nhân dân tỉnh và đội ngũ chuyên gia tư vấn đã tổ chức cuộc họp tham vấn và mời những người có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án này tham gia.

VI. SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ TRONG ĐTM TẠI DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN VÀ BÃI CHÔN LẤP RÁC HÒA PHÚ TẠI BUỒN MA THUỘT

Cả hai dự án đã tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội theo các chính sách và thủ tục an toàn của Ngân hàng Thế giới và ADB. Như đã thảo luận ở phần trên, tham vấn cộng đồng, công khai thông tin, lập kế hoạch có sự tham gia, thực hiện, giám sát và đánh giá các kế hoạch quản lý môi trường và tái định cư là các bước bắt buộc trong quá trình ĐTM giúp tạo ra một môi trường thuận lợi cho phụ nữ tham gia. Chương này sẽ thảo luận về chất lượng và kết quả của sự tham gia của phụ nữ trong các cuộc tham vấn và tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của họ trong hai trường hợp nghiên cứu.

Bình đẳng về số lượng phụ nữ tham gia nhưng chưa đảm bảo bình đẳng về tiếng nói của phụ nữ

Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các cuộc họp tham vấn ở dự án Thủy điện Trung Sơn là 40%. Mặc dù số lượng các đại diện nữ tương đối lớn, họ hầu hết không đưa ra ý kiến của mình, đặc biệt là trước mặt các lãnh đạo thôn phần lớn là nam giới. Trong một phần ba tổng số 53 cuộc tham vấn cấp thôn, “người phát biểu chủ yếu là nam giới và chủ hộ gia đình. Hầu hết phụ nữ đã không đóng góp ý kiến trong quá trình tham vấn” (Báo cáo Tham vấn cấp thôn, Ban QLDA thủy điện Trung Sơn, 2010). Trong nhiều cộng đồng miền núi phía Bắc, như những cộng đồng bị ảnh hưởng bởi nhà máy thủy điện Trung Sơn, tham dự các cuộc họp là công việc của người đàn ông. Vì vậy, phụ nữ không tự tin đưa ra tiếng nói của họ ở những nơi mà họ quan niệm là chỉ dành cho đàn ông. Khi lời mời ~~đã~~ được gửi đến các đại diện của các hộ gia đình, đàn ông thường tham gia. Phụ nữ chỉ tham gia nếu chồng của mình đang bận hoặc giấy mời được gửi trực tiếp đến cho họ.

Sự chi phối của nam giới trong tham vấn đã được quan sát trong các cuộc họp tham vấn về báo cáo IEE ở Dự án bãi chôn lấp chất thải rắn và biện pháp giảm thiểu. Có 112 người tham gia trong cuộc họp đó, bao gồm đại diện của UBND tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ và các tổ chức khác. Khoảng 30 phần trăm trong số họ là phụ nữ. Các đại biểu nữ đã không bày tỏ ý kiến cá nhân, do đó họ có rất ít ảnh hưởng trong các thoả thuận chính thức.

Vấn đề đặt ra trong quá trình tham vấn

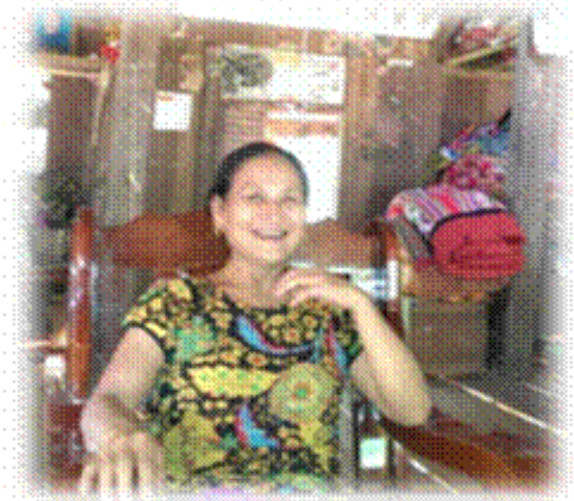
Các cuộc phỏng vấn với cộng đồng bị ảnh hưởng cho thấy phụ nữ có mối quan tâm rất cụ thể về vấn đề sinh kế và môi trường như nước uống, ô nhiễm sông, ruộng, vườn và không khí, và tác động sức khỏe của họ. Đây là những vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò sinh sản và chăm sóc gia đình của họ. Trong khi đó, những người đàn ông lại có các mối quan tâm khác như giao thông, bồi thường và nhà ở - là những vấn đề liên quan đến vai trò được xã hội phân công của họ. Do đó, số lượng tham gia của nam giới trong cuộc họp về đất đai và bồi thường cao hơn so với phụ nữ. Kết quả là tại các cuộc tham vấn mà nam giới chi phối này, các vấn đề môi trường phần lớn bị bỏ qua. Phụ nữ ở các cộng đồng chịu ảnh hưởng của dự án bãi chôn lấp chất thải

rắn tại thành phố Buôn Ma Thuột hiện đang phàn nàn về bụi, ô nhiễm nước, và mùi hôi thối phát thải từ bãi chôn lấp. Họ lo lắng rằng sức khỏe của con cái họ và các công việc kinh doanh nhỏ của họ sẽ bị ảnh hưởng.⁶

Mặt khác, trong dự án thủy điện Trung Sơn, sự tham gia tích cực của phụ nữ tạo nên kết quả đáng kể. Phụ nữ thôn Tà Bán, xã Trung Sơn (tỉnh Thanh Hóa), với kiến thức của họ về môi trường địa phương và sinh thái, thực vật, đất, nguồn nước, đã tham gia tham vấn cộng đồng một cách có ý nghĩa và góp phần quan trọng để xác định các khu tái định cư phù hợp hơn những khu ban đầu do chủ dự án đề xuất. Điều này dẫn đến việc thay đổi vị trí của hai khu vực tái định cư.⁷

Bà Ngân Thị Tiền, 54 tuổi, người dân tộc Mường, đã tham gia tích cực tham vấn cộng đồng. Bà nói "Chồng tôi là người Thái, truyền thống của chúng tôi là phụ nữ chăm sóc việc nhà và đàn ông tham gia trong các sự kiện quan trọng. Nhưng, phụ nữ chúng tôi biết một số nơi tốt hơn cho việc tái định cư liên quan đến nguồn nước sạch. Chúng tôi đã tham gia vào tham vấn tái định cư, và giúp để lựa chọn địa điểm mới tốt hơn so với địa điểm gốc."

Ảnh: Bà Ngân Thị Tiền, thôn Tà Bán, xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa



6.1 Các yếu tố của sự tham gia có ý nghĩa

Cam kết nghiêm túc: Dự án thủy điện Trung Sơn là một dự án đầu tiên ở Việt Nam, tổ chức tham vấn cộng đồng rộng rãi về tác động môi trường và xã hội và quy hoạch tái định cư với 53 cộng đồng bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ có liên quan. Toàn bộ quá trình kéo dài ba năm (2008-2010), do các chuyên gia xã hội tổ chức với sự giám sát của các tổ chức phi chính phủ địa phương như Mạng lưới Sông ngòi, PanNature, và Green ID. Điều này tạo ra một môi trường tin cậy giữa người dân và các chủ dự án. Chuyên gia xã hội và giới cũng được tham gia tìm hiểu thêm về dự án được đề xuất và tác động của nó đến các thôn bản.

Công khai thông tin: Dự án thủy điện Trung Sơn đã có những nỗ lực chủ động thông báo cho các cộng đồng bị ảnh hưởng về dự án và ý nghĩa của nó. Các báo cáo đánh giá như ĐTM, Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP) và Kế hoạch Tái định cư, Sinh kế và Phát triển Dân tộc thiểu số (RLDP) đã được thực hiện tại cấp xã. Mỗi làng bị ảnh hưởng đều nhận được một báo cáo tóm tắt về ĐTM, EMP và RLDP, nêu bật những tác động tiềm năng quan trọng của dự án đối với môi trường, sinh kế và cộng đồng. Các thông tin dự án cũng đã được trình bày trong áp phích, lịch, băng ghi âm bằng tiếng dân tộc như H'Mông, Thái, Mường. Tuy nhiên, không có sự xem xét về sự khác biệt về giới

⁶ Kết quả từ thảo luận nhóm của phụ nữ tại Buôn Ma Thuột

⁷ Kết quả phỏng vấn với PMU và nhóm phụ nữ tại Trung Sơn với các nhà chuyên gia xã hội tại Hà Nội

trong việc tiếp cận thông tin, do đó đã không có nỗ lực áp dụng các kênh truyền thông khác nhau cho phụ nữ. Các cán bộ của dự án giao tiếp với cộng đồng chủ yếu là thông qua lãnh đạo thôn, và hầu hết các nhà lãnh đạo thôn là nam giới. Theo ông Nguyễn Văn Quàn, Trưởng thôn Tổ Xước, ông có thể nói chuyện trực tiếp với các cán bộ từ các đơn vị quản lý dự án bất cứ khi nào ông gặp khó khăn liên quan đến việc tái định cư và canh tác. Tuy nhiên, phụ nữ không có kênh thông tin tương tự riêng của họ.

Việc tham vấn trở nên không hiệu quả nếu các bên liên quan không được cung cấp đầy đủ thông tin. Trong dự án bãi chôn lấp chất thải rắn tại thành phố Buôn Ma Thuột, cả người bị ảnh hưởng cũng như chính quyền địa phương đều không được thông báo đầy đủ về dự án. Các thông tin về dự án đã được đăng tại văn phòng UBND xã. Phần lớn các thông tin đều là về các kế hoạch xây dựng dự án, quy chế khiếu nại. Ông Nguyễn Đăng Huy, UBND xã Hòa Phú phản ánh rằng ADB đã thực hiện 2 đánh giá tác động đến các cộng đồng bị tái định cư nhưng không có phản hồi sau đó. Ông Nguyễn Đăng Huy cho biết thêm rằng UBND đã không được tham gia trong đánh giá tác động với vai trò dự kiến của họ là điều phối việc thu hồi đất và tái định cư. Việc thiếu thông tin về dự án dẫn đến sự đồng thuận vô thức hoặc thiếu thông tin phản hồi trong tham vấn bởi vì người dân ngại thảo luận khi họ không có đủ thông tin. Nhiều người được phỏng vấn bày tỏ quan ngại của họ về các tác động của dự án đối với sức khỏe và môi trường như đường xá xuống cấp, mùi hôi, rò rỉ nước thải vào nước ngầm. Bà Võ Lê Quỳnh Như, xã Hòa Phú, cho biết: "Chúng tôi rất lo lắng rằng bãi rác [Dự án] sẽ làm ô nhiễm nước sông, ruộng vườn, đặc biệt là gây bụi. Chúng tôi đã bị ảnh hưởng bởi một dự án khai thác mỏ, và con đường đã bị xuống cấp. Dự án bãi chôn lấp chất thải rắn này sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng đường xá, và tạo ra nhiều bụi và rác hơn."

Ngôn ngữ và một không gian "an toàn": Phụ nữ dân tộc thiểu số cảm thấy miễn cưỡng khi nói lên ý kiến của mình trong các cuộc tham khảo ý kiến công chúng bởi vì họ thiếu tự tin khi nói trước đám đông và sử dụng ngôn ngữ chính thức. Các cuộc họp tham vấn về dự án thủy điện Trung Sơn đã được tổ chức với các nhóm cả nữ và nam. Mặc dù đã có một nỗ lực để tách nhóm thảo luận lớn ra thành nhóm phụ nữ và một nhóm nam giới riêng cho các cuộc thảo luận nhóm ở một số cộng đồng nhưng các cuộc họp vẫn diễn ra ở cùng một nơi, thường là nhà trưởng thôn, và các cuộc thảo luận chủ yếu là họp toàn thể. Quan sát cho thấy rằng khi phụ nữ dân tộc thiểu số nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ riêng của họ, các cuộc thảo luận của họ diễn ra khá sôi động. Họ hầu hết trở nên im lặng trong phiên họp toàn thể, đặc biệt là khi họ được yêu cầu nói chuyện trực tiếp với "người ngoài", tức là nhóm chuyên gia tư vấn sử dụng ngôn ngữ chính thức. Phụ nữ ở thôn Tân Hương, xã Thành Sơn (tỉnh Thanh Hoá) giải thích rằng họ hiểu các cuộc thảo luận, nhưng họ hơi ngại lên tiếng (Ban QLDA thủy điện Trung Sơn, 2011). Báo cáo tham vấn cộng đồng của thủy điện Trung Sơn ghi lại rằng phụ nữ dân tộc thiểu số ít thông thạo tiếng Việt so với nam giới. Đây là một trong những lý do chính khiến phụ nữ thiếu tự tin trong việc thể hiện quan điểm của họ.

Trong thời gian tham vấn về dự án bãi chôn lấp rác thải rắn, phụ nữ đã có vài điều để nói và họ cũng có cách diễn đạt của họ bằng cách nói rất nhỏ, thì thầm và đôi khi đưa những ý kiến ngẫu nhiên (bà Võ Lê Quỳnh Như, cán bộ nông nghiệp của UBND huyện

Hòa Phú). Tiếng nói của họ phần lớn đã bị bỏ qua bởi vì họ đã không thể hiện theo phong cách của người đàn ông, nghĩa là sử dụng ngôn ngữ chính thức, khi nói thì đứng lên và nói lớn, đặc biệt là ở các diễn đàn mà nam giới chi phối. Phong cách nói của phụ nữ nên được công nhận và ủng hộ ví dụ bằng cách tạo không gian để phụ nữ cảm thấy thoải mái để bày tỏ quan điểm của họ. Bà Khúc Thị Thanh Vân, chuyên gia xã hội đề nghị sử dụng các công cụ tương tác và có sự tham gia trong các cuộc thảo luận với phụ nữ.

Tạo điều kiện để phụ nữ cảm thấy tự tin và được tôn trọng khi bày tỏ quan điểm của họ là rất quan trọng đối với sự tham gia có ý nghĩa của họ.

6.2 Các hạn chế về thể chế đối với sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ

Bảng 2 cho thấy vấn đề về giới đã được đưa vào giai đoạn thảo luận ĐTM của hai dự án nghiên cứu như thế nào. Cả hai dự án đều thiếu phân tích về giới trong hầu hết các giai đoạn của ĐTM. Cơ hội duy nhất để phụ nữ lên tiếng là thông qua tham vấn cộng đồng, nơi mà chất lượng tham vấn, quy định về hành vi ứng xử của phụ nữ nơi công cộng, như đã thảo luận trong phần trước, quyết định khả năng lên tiếng cũng như đóng góp ý kiến của phụ nữ. Trong số 53 cuộc tham vấn ở cấp thôn trong dự án thủy điện Trung Sơn, chỉ có một bằng chứng cho thấy ý kiến của phụ nữ có ảnh hưởng đến các quyết định về khu tái định cư. Không có hồ sơ nào nói về mối quan tâm của phụ nữ trong dự án bãi chôn lấp chất thải rắn tại Buôn Ma Thuột. Mặc dù đã có một quá trình tham vấn cộng đồng rất lớn nhưng không có hồ sơ nào nói về những tác động của giới và làm thế nào để các mối quan tâm khác nhau về giới được giải quyết trong báo cáo ĐTM của dự án thủy điện Trung Sơn. Tại sao vấn đề giới không được xác định và giải quyết một cách đúng đắn? Tại sao những mối quan tâm của phụ nữ không được ghi lại một cách đúng đắn hoặc không được chú ý trong quá trình tham vấn?

Bảng 2. Sự tham gia của phụ nữ trong giai đoạn ĐTM ở Trung Sơn và dự án Buôn Ma Thuột

Giai đoạn	Quá Trình ĐTM	Sự tham gia của phụ nữ trong giai đoạn ĐTM ở Trung Sơn	Sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM của dự án chôn lấp chất thải rắn ở Buôn Ma Thuột
1	Sàng lọc (Xem xét mức độ phụ thuộc của cộng đồng đối với môi trường bị ảnh hưởng để xác định xem liệu ĐTM là cần thiết)	Không có phân tích về tác động về giới trong môi trường bị tác động.	Không có phân tích về tác động về giới trong môi trường bị tác động.

2	Xác định phạm vi (Các tác động và vấn đề nào cần được xem xét)	Các vấn đề và tác động tiềm năng về giới không được đề xuất để nghiên cứu sâu hơn.	Các vấn đề và tác động và tiềm năng về giới không được đề xuất để nghiên cứu sâu hơn.
3	Điều tra hiện trạng (Ví dụ: dân số, vị trí, quản lý nước, nông nghiệp, năng lượng)	Không có sự phân tách dữ liệu về giới, hoặc bất kỳ sự phân tích nào về giới.	Không có sự phân tách dữ liệu về giới, hoặc bất kỳ sự phân tích nào về giới.
4	Dự đoán và đánh giá tác động	Không có dự đoán về tác động cụ thể về giới	Không có dự đoán về tác động cụ thể về giới
5	Tham vấn cộng đồng (Báo cáo và trình bày những phát hiện trong nghiên cứu về tác động của môi trường và xã hội; xác định các tác động chính; thảo luận về các giải pháp)	Sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng là 40% * Mối quan tâm của phụ nữ và người đàn ông đã được nắm bắt, nhưng không được trình bày một cách có hệ thống trong báo cáo tham vấn cộng đồng. Không có dữ liệu phân tách và phân tích giới trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội	Sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng là 30% ** Không có biên bản về kết quả tham vấn cộng đồng. Không có dữ liệu phân tách và phân tích giới trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội Chủ dự án thông báo với Hội Phụ nữ địa phương về các cơ hội việc làm cho phụ nữ.
6	Quyết định phê duyệt dự án	Tham vấn cộng đồng đã dẫn đến sự thay đổi của hai địa điểm tái định cư. Phụ nữ đóng một vai trò quan trọng trong việc đề xuất các địa điểm mới. ***	Chuyên gia về giới và một điều phối viên về giới ở địa phương cung cấp thông tin đầu vào cho việc chuẩn bị kiểm tra môi trường ban đầu IEE.
7	Báo cáo ĐTM và kế hoạch giám sát	Không có báo cáo và kiến nghị về việc nên làm thế nào để giải quyết các mối quan tâm của phụ nữ.	Không có báo cáo và kiến nghị về việc nên làm thế nào để giải quyết các mối quan tâm của phụ nữ.

Nguồn: phỏng vấn thông tin chính trong cả hai điểm nghiên cứu.

(*) Báo cáo tham vấn cộng đồng, năm 2010.

(**) Báo cáo kiểm tra môi trường ban đầu IEE.

(***) TSHPP PMU, 2010, đánh giá môi trường, p. 34; Phỏng vấn cùng các chuyên gia xã hội Ngân hàng Thế giới - Bà Khúc Thị Thanh Vân

6.3 Kết quả nghiên cứu về sự tham gia có bao gồm các khía cạnh về giới

Phần này trình bày những phát hiện mang tính phân tích của nghiên cứu. Các phát hiện được nhóm lại thành ba cụm chuyên đề: hướng dẫn để thực thi các nguyên tắc lồng ghép giới; nhận thức, thái độ và sự nhạy cảm về giới và văn hóa; và ngôn ngữ, văn hóa và các rào cản liên quan đến quan niệm xã hội.

1. Các hướng dẫn và năng lực cần thiết khi thực hiện các nguyên tắc lồng ghép giới

- a. *Thiếu các hướng dẫn về việc tiến hành tham vấn cộng đồng.* Các Chính sách điều hành của WB về Đánh giá Môi trường (EA), Môi trường sống tự nhiên và Dân tộc bản địa yêu cầu tham vấn với người bị ảnh hưởng và các tổ chức NGO có liên quan về các điều khoản tham chiếu cho EA, về dự thảo báo cáo EA, và trong suốt quá trình thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các can thiệp của dự án. Tuy nhiên, không có tài liệu giải thích kỹ hơn hoặc hướng dẫn chi tiết về cách để thực thi yêu cầu này. "Sự tham gia có ý nghĩa" của ADB đã không được phát triển vượt ra ngoài một tuyên bố về nguyên tắc.
- b. *Thiếu năng lực trong việc lồng ghép giới trong các chính sách an toàn.* Chính sách điều hành của WB về giới và phát triển chỉ tuyên bố khá chung chung về sự cần thiết phải tiến hành một đánh giá về giới mang tính thông báo cho các chiến lược phát triển ngành và quốc gia. Chính sách của ABD về giới và phát triển và hướng dẫn về lồng ghép giới không chỉ ra cụ thể làm thế nào để lồng ghép giới vào các dự án do ADB tài trợ. Các chuyên gia về giới của ADB thừa nhận rằng việc thực hiện các chính sách về giới là một sự thách thức. Kết quả là, sự tham gia của phụ nữ chủ yếu mang tính các con số, chưa tạo điều kiện nâng cao tiếng nói của phụ nữ và cũng như giải quyết mối quan tâm của họ.
- c. *Chuyên gia về giới không được yêu cầu tham gia trong nhóm tư vấn về ĐTM.* Việc đánh giá tác động môi trường và xã hội do các chuyên gia tư vấn thực hiện. Tư vấn viên thường tiến hành công việc theo hợp đồng và với những mô tả công việc rất cụ thể. Trên thực tế nhóm tư vấn ĐTM rất hiếm khi tham gia gắn kết với các chuyên gia về giới và việc xem xét các vấn đề về giới không được đưa vào trong các điều khoản tham chiếu của trưởng nhóm chuyên gia tư vấn hoặc các thành viên. Ngoài ra, trưởng nhóm tư vấn ĐTM thường là nam giới. Do đó, nội dung về việc thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong việc tham vấn cần được đưa vào hợp đồng và điều khoản tham chiếu của tư vấn. Tăng cường lồng ghép giới trong quá trình ĐTM đòi hỏi sự thay đổi trong cả hai việc thỏa thuận ký kết hợp đồng hỗ trợ lồng ghép

giới và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nó. Ví dụ, cán bộ dự án sẽ có thể cung cấp bằng chứng thuyết phục về những lợi ích và hiệu quả của sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM và những chính sách bắt buộc (ví dụ đảm bảo sự tham gia của các chuyên gia về giới hoặc xã hội học như các thành viên của nhóm tư vấn ĐTM phải được đề xuất và thực hiện.)⁸

- d. *Chưa thể chế hoá sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM và tham vấn cộng đồng.* Sự tích hợp giới trong ĐTM vẫn còn mới mẻ tại Việt Nam và chủ yếu là do yêu cầu của các dự án được hỗ trợ bởi các nguồn lực tài chính quốc tế. Hiện tại không có yêu cầu từ phía Việt Nam⁹. Kết quả là, báo cáo ĐTM thường không có cân nhắc về vấn đề giới. "Hiện nay, trong các báo cáo ĐTM (được chuẩn bị bởi các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tuân thủ theo quy định về ĐTM của Việt Nam) thường có rất ít hoặc hoàn toàn không cân nhắc vấn đề giới"¹⁰ "Ngoài ra gần như không có vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quá trình ĐTM.
- e. *Thiếu một cơ chế trách nhiệm giải trình về tham vấn cộng đồng và công khai thông tin.* Tham vấn cộng đồng được quy định không nhất quán trong Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam và các chính sách an toàn của WB và ADB. Điều làm cho quá trình tham vấn của dự án thủy điện Trung Sơn trở nên nổi bật chính là sự giám sát chặt chẽ của các cán bộ Ngân hàng Thế giới và các tổ chức Phi chính phủ. Việc thiếu sự giám sát như trong trường hợp của dự án do ABD tài trợ tại Buôn Ma Thuột, có hậu quả là tham vấn không hiệu quả và gây ra sự thất vọng cho các cộng đồng bị ảnh hưởng. Gắn kết các tổ chức phi chính phủ trong việc giám sát và tạo điều kiện cho tham vấn cộng đồng sẽ cải thiện chất lượng tham vấn cộng đồng.

2. Mức độ nhận thức, thái độ và sự nhạy cảm về vấn đề giới và văn hóa

- a. *Hạn chế về nhận thức và kỹ năng của chủ dự án, các nhà đầu tư và các quan chức địa phương về tham vấn cộng đồng và tầm quan trọng của sự tham gia của phụ nữ.* Tham vấn cộng đồng được xem là tốn thời gian và có thể làm chậm tiến độ của dự án, gây ra những thay đổi lớn và thậm chí có khả năng dừng dự án hoàn toàn. Tham vấn cộng đồng thường được tổ chức theo một cách truyền thống, tức là chủ dự án chỉ thông báo chứ không trưng cầu ý kiến của người nghe. Các cuộc phỏng vấn với các cán bộ chức năng cho thấy có giả thuyết rằng cộng đồng nói chung thường không hiểu được các vấn đề về kỹ thuật, do đó kiến thức và ý kiến của cộng đồng bị đánh giá thấp. Tham vấn phụ nữ được xem như là một nhiệm vụ phụ, lặp đi lặp lại và là một bước yêu cầu không cần thiết.¹¹ "Nhận thức về bình đẳng giới của các chuyên gia kỹ thuật nói chung, và đặc biệt là Ban QLDA là tương đối

⁸ Tham vấn với các nhà hoạt động môi trường tại ADB Việt Nam

⁹ Tham vấn với các nhóm chuyên gia DAKURENCO tại Buôn Ma Thuột

¹⁰ Thảo luận với chuyên gia DAKURENCO tại Buôn Ma Thuột

¹¹ Phỏng vấn với cán bộ PMU, bãi chôn lấp rác thải rắn tại Buôn Ma Thuột

thấp và không đồng đều. Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM phụ thuộc vào Ban QLDA. "¹²

- b. *Thiếu kiến thức và thiếu nhạy cảm với văn hóa địa phương của các nhóm tư vấn và chủ dự án.* Am hiểu các yếu tố văn hóa của từng dân tộc cũng rất quan trọng để đảm bảo sự tham gia hiệu quả của phụ nữ. Có những nhóm dân tộc nơi mà sự thiếu bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ là lớn hơn, vì vậy trong một số nhóm dân tộc, phụ nữ được xem là thấp kém hơn nam giới (ví dụ như H'Mông, Kinh, Hoa) so với một số nhóm khác (ví dụ như Thái, Tày). Ví dụ, "đối với dân tộc Thái trắng (Tây Thanh Hoá, gần Sơn La), phụ nữ cảm thấy có khả năng thể hiện mình trong các cuộc họp. Vì vậy, họ tham gia các cuộc tham vấn thoải mái hơn. Mặc dù, trình độ học vấn của họ không cao, họ không ngần ngại tham gia tham vấn. Trong khi đó ở một số nhóm dân tộc H'Mông, hầu hết phụ nữ không tham gia và họ giao tiếp ít hơn."¹³ Ngoài ra, trong một số nhóm dân tộc, đàn ông và phụ nữ thường ngần ngại giao tiếp và chia sẻ ý kiến với người lạ đến từ bên ngoài cộng đồng của họ, đặc biệt là khi họ chưa xây dựng được niềm tin. Có thêm kiến thức và nhạy cảm hơn với văn hóa địa phương sẽ cho phép chủ dự án và tư vấn khai thác và thu nhận ý kiến của người dân theo một cách hiệu quả hơn với cách thức không làm họ cảm thấy e ngại, sợ sệt.
- c. *Tiếp cận thông tin.* Phụ nữ và nam giới có các kênh khác nhau để tiếp cận thông tin do vai trò giới và không gian xã hội khác nhau. Với phụ nữ, ở những nơi mà họ thường xuyên ghé thăm và thoải mái giao tiếp với những người khác, việc tiếp cận thông tin thoải mái hơn. Nếu thông tin được phổ biến thông qua các kênh của nam giới như các cuộc họp cộng đồng, phụ nữ chưa chắc sẽ được thông báo đầy đủ, do đó hạn chế sự tham gia có ý nghĩa của họ trong quá trình tham vấn.
- d. *Nỗi sợ về sự phản đối từ các cộng đồng bị ảnh hưởng.* Vì các lý do khác nhau, cả các quan chức địa phương cũng như những người đầu tư/ chủ dự án đều không có động lực để tiến hành tham vấn cộng đồng có ý nghĩa và công khai đầy đủ thông tin. Các quan chức địa phương cảm thấy khó khăn trong việc xử lý các ý kiến phê bình, câu hỏi và phản đối từ các nhóm được tham vấn vì họ không có khả năng trả lời, và đôi khi họ nhìn nhận những ý kiến phê bình là làm mất đi uy quyền của họ.¹⁴ Chủ dự án/ chủ đầu tư dự án chỉ đơn giản là tránh trả lời những câu hỏi mang tính chỉ trích từ các nhóm bị ảnh hưởng.

3. Những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và các chuẩn mực xã hội

- a. *Rào cản ngôn ngữ tiếng Việt.* Mặc dù đã có những nỗ lực để phổ biến thông tin bằng ngôn ngữ địa phương và tổ chức các cuộc thảo luận nhóm phụ nữ trong các cuộc tham vấn của các dự án thủy điện Trung Sơn, nhưng việc tập hợp các ý kiến và các cuộc đối thoại giữa cộng đồng và các nhóm tư vấn trong các cuộc họp

¹² Phỏng vấn với bà Khúc Thị Thanh Vân, Chuyên gia xã hội dự án thủy điện Trung Sơn

¹³ Bà Khúc Thị Thanh Vân, Chuyên gia xã hội

¹⁴ Phỏng vấn với bà Phan Thị Thanh Hà, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Buôn Ma Thuột

thường được tổ chức bằng tiếng Việt (Kinh). Người dân tộc thiểu số là nam giới có kỹ năng ngôn ngữ tốt hơn vì họ tiếp cận nền giáo dục chính thống tốt hơn và có tính linh động hơn. Do đó ý kiến chủ yếu là từ những người đàn ông. Phụ nữ hầu như chỉ nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ địa phương, và họ có ý kiến thì họ chỉ bày tỏ ý kiến của họ thông qua những người đàn ông.

- b. *Không gian do nam giới chi phối.* Sự chi phối của nam giới trong không gian công cộng được thể hiện không chỉ ở tỷ lệ tham gia của họ cao hơn (so với phụ nữ), ảnh hưởng của họ trong những cuộc thảo luận mà còn là ở phong cách của nam giới được chấp nhận khi nói trước công chúng và khi trình bày (so với phong cách của người phụ nữ như đã thảo luận trong các phần trước). Những người tham gia cuộc tham vấn tại làng người Hmong chịu ảnh hưởng của dự án thủy điện Trung Sơn chủ yếu là nam giới và số lượng phụ nữ tham gia là không cao. Ngay cả khi phụ nữ đã tham gia và hiện diện chính thức trong các cuộc họp, họ thường chờ đợi để người đàn ông bày tỏ ý kiến trước.
- c. *Các định kiến đối với vị thế và kiến thức của phụ nữ.* Các định kiến liên quan đến vị trí phụ thuộc của phụ nữ trong gia đình và xã hội là một rào cản lớn đối với sự tham gia của phụ nữ. Họ thường ngại chia sẻ ý kiến của mình tại các cuộc tham vấn vì họ cho rằng họ có vị trí xã hội thấp hơn so với nam giới. Một phụ nữ chịu ảnh hưởng của dự án thủy điện đã nhận xét rằng "khi tham gia các cuộc họp, thường những người đàn ông bày tỏ ý kiến của họ. Phụ nữ thường nhút nhát, và sợ nói trước công chúng".¹⁵ Ngoài các rào cản về vai trò và vị thế truyền thống của phụ nữ, thành kiến của chính quyền địa phương liên quan đến trình độ học vấn, và các ưu tiên, mối quan tâm và lợi ích của phụ nữ cũng là một trong những lý do tại sao phụ nữ không được mời tham gia vào quá trình ra quyết định của cộng đồng. Theo ông Phạm Bá Sắc, Mặt trận Tổ quốc xã Trung Sơn, phụ nữ ít có kiến thức hơn, vì vậy họ không muốn tham gia. Ông tin rằng phụ nữ "*thiếu điều kiện và cơ hội học tập cũng như không có thời gian, khi gần như tất cả thời gian trong ngày họ dành cho đồng ruộng, sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, trồng sắn và măng tre. Họ phải kiếm sống và không có thời gian cho việc học và nghiên cứu về quyền của phụ nữ.*" Hơn nữa, những phụ nữ từ các nhóm dân tộc thiểu số thường nghĩ rằng sau khi họ kết hôn, họ không có nhu cầu tiếp tục tham gia vào các hoạt động học tập chính thức. Với thành kiến như vậy, phụ nữ thường bị bỏ quên trong các cuộc tham vấn.
- d. *Chuẩn mực xã hội về người chủ gia đình.* Một trong những lý do chính tại sao phụ nữ không được mời tham gia trong các cuộc tham vấn là do tập quán truyền thống cho rằng đàn ông là người đứng đầu gia đình. Trong gia đình Việt Nam, hầu hết các ông chồng đều được coi là trụ cột gia đình, bất chấp luật pháp và các quy định hiện hành trong đó xác định rằng cả hai vợ chồng đều có quyền bình đẳng để làm chủ gia đình. Khi mời đại diện của các hộ gia đình hoặc gia đình đến một cuộc họp, chủ hộ gia đình thường được mời, thường là nam giới. Nếu một cuộc họp đòi hỏi sự

¹⁵ Phỏng vấn với một phụ nữ 33 tuổi tại Buôn Ma Thuật

tham gia của phụ nữ, họ phải được mời trực tiếp. "Khi có lời mời đến các cuộc họp, đàn ông thường sẽ đi. Nếu lời mời chỉ đích danh phụ nữ thì phụ nữ mới đi".

VII. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy rằng mặc dù đã được đề cập trong các chính sách khuyến khích sự tham gia của công chúng và bình đẳng xã hội, vấn đề giới và tiếng nói của phụ nữ chưa được tích hợp và đề cập đầy đủ trong báo cáo ĐTM của hai dự án nghiên cứu. Phụ nữ chỉ có thể bày tỏ quan điểm của họ trong quá trình ĐTM một cách rất hạn chế thông qua tham vấn cộng đồng.

Để có được một cái nhìn sâu hơn về chất lượng tham gia của phụ nữ, chiếu theo loại hình tham gia Agawal (2001) và nhóm nghiên cứu kết luận rằng sự tham gia của phụ nữ trong các cuộc tham vấn của hai dự án nghiên cứu phần lớn là trên danh nghĩa (tức là họ đã được mời tham dự các cuộc họp) và thụ động (nghĩa là họ không lên tiếng và không khẳng định quan điểm của họ). Trong trường hợp của dự án Thủy điện Trung Sơn, sự tham gia của phụ nữ là để hỏi ý kiến, tức là, ý kiến của họ được ghi nhận nhưng không có bằng chứng cho thấy quan điểm của họ đã được xem xét hoặc giải quyết.

Có nhiều hạn chế về mặt thể chế đối với sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ như tiếp cận thông tin còn yếu, các chuẩn mực về giới và thực tiễn xã hội nam quyền, thiếu nhạy cảm về văn hóa và các khuôn mẫu phổ biến đối với vị thế của phụ nữ, và năng lực hạn chế đặc biệt là của các cán bộ nhà nước, chủ dự án và đội tư vấn ĐTM trong việc hỗ trợ các quá trình tham vấn có lồng ghép vấn đề giới. Tuy nhiên, những hạn chế này chưa được các cơ quan tài trợ, nhà đầu tư và chính quyền địa phương nhận biết và giải quyết hợp lý. Những người được phỏng vấn cho rằng việc thiếu các hướng dẫn chi tiết về lồng ghép giới đã hạn chế sự hiểu biết và nhận thức của họ về hoà nhập giới.

Một phân tích so sánh các quá trình tham vấn của hai dự án cho thấy rằng mặc dù thiếu các hướng dẫn về lồng ghép giới trong các chính sách an toàn của cả hai cơ quan tài trợ nhưng cam kết mạnh mẽ đối với sự tham vấn cộng đồng là một điều kiện tiên quyết để đưa tiếng nói và quan tâm của phụ nữ vào trong quá trình ĐTM. Trong dự án thủy điện Trung Sơn, quá trình tham vấn đã được thực hiện với sự giám sát của các cơ quan tài trợ và các tổ chức NGO. Khi có một nỗ lực thực hiện nghiêm túc tham vấn cộng đồng thì cơ hội để phụ nữ chia sẻ kiến thức và khẳng định ý kiến của họ sẽ cao hơn. Tuy nhiên, sự vắng mặt của các chuyên gia về giới đã làm giảm cơ hội hoà nhập có ý nghĩa của phụ nữ trong các cuộc tham vấn trong dự án thủy điện Trung Sơn. Trong khi đó tại thành phố Buôn Ma Thuột, mặc dù ADB có chính sách an toàn mạnh mẽ, trong đó có bao gồm các yếu tố về giới, nhưng sự tham gia đã không dẫn đến kết quả hữu hình. Có vẻ như rất ít hoặc không có những nỗ lực đáng kể trong việc đưa ra thông tin về dự án và các tác động tiềm năng của nó một cách đầy đủ. Việc thiếu thông tin và sự rõ ràng về dự án dẫn đến kết quả là một sự đồng thuận vô thức hoặc không có thông tin phản hồi trong tham vấn tại Buôn Ma Thuột, bởi vì mọi người cảm thấy do dự với việc thảo luận khi họ không có đủ thông tin. Vì vậy các cơ hội cho phụ nữ bày tỏ ý kiến của họ trở nên rất hạn chế.

Nghiên cứu cho thấy lợi ích của việc phụ nữ tham gia trong các thảo luận ĐTM phụ thuộc vào kiến thức của họ về các nguồn tài nguyên môi trường và sinh kế, và vào việc các yếu tố này chịu ảnh hưởng như thế nào bởi sự phát triển cơ sở hạ tầng ở hai địa điểm nghiên cứu. Nếu tiếng nói của phụ nữ được lắng nghe đầy đủ để ảnh hưởng đến việc ra quyết định thì kế hoạch tái định cư có thể đã được thiết kế lại để ngăn chặn và giảm thiểu những tổn thất về sinh kế và các mối đe dọa đến tài nguyên thiên nhiên như chất lượng không khí và nước.

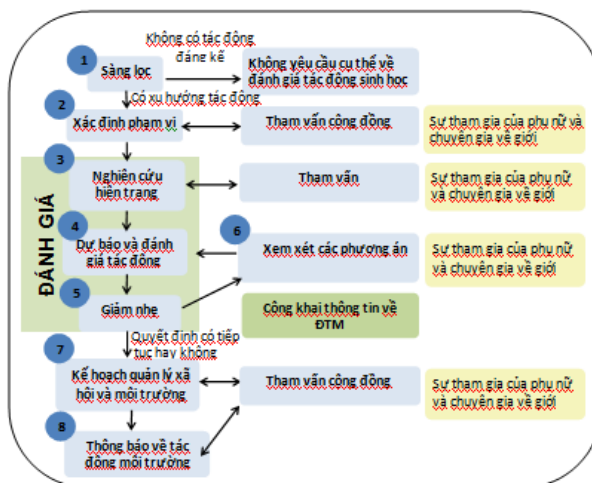
VIII. KHUYẾN NGHỊ

Những khuyến nghị được đưa ra dưới đây dựa trên kết quả thảo luận tại các cuộc họp chuyên gia được tổ chức trước khi tiến hành các chuyến đi thực tế; các kết quả của dự án nghiên cứu này; và hội thảo tham vấn về kết quả nghiên cứu. Những khuyến nghị này có thể áp dụng cho các lĩnh vực cụ thể như các tổ chức, quá trình tham gia của phụ nữ, và các biện pháp để nâng cao năng lực và vị thế của phụ nữ trong việc đánh giá tác động môi trường và xã hội. Ngoài ra, một số khuyến nghị cụ thể dành cho nhóm Kỹ thuật của khu vực hiện đang xây dựng hướng dẫn tham vấn cộng đồng trong ĐTM thuộc Chương trình của Đối tác Mê Công về Môi trường MPE.

1. Điều chỉnh khung pháp lý quốc gia về ĐTM và sự tham gia của cộng đồng dựa trên Luật Bình đẳng giới

- a. Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định đánh giá tác động xã hội và giới trong phạm vi của ĐTM và đánh giá môi trường chiến lược. Hiện nay, Luật chỉ mới tập trung vào việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng. Việc này bỏ qua tác động của biến đổi môi trường lên các mặt an sinh, văn hóa và sinh kế của các cộng đồng bị ảnh hưởng. Do đó, Luật cần quy định sự cần thiết phải xem xét đến các tác động về giới trong ĐTM và Kế hoạch Quản lý Môi trường cũng như các biện pháp để giải quyết những tác động đó.
- b. Chuyên gia về giới, các cộng đồng bị ảnh hưởng, các nhóm xã hội bị thiệt thòi (phụ nữ, người dân tộc thiểu số) và các tổ chức khác có liên quan nên được tham vấn từ giai đoạn xác định phạm vi dự án (bước 2) trở đi để đảm bảo tác động của dự án được dự đoán và nghiên cứu đúng cách (xem Hình 3 dưới đây). Điều này sẽ cho phép phụ nữ và cộng đồng bị ảnh hưởng được tham gia tích cực trong quá trình ĐTM, do đó chất lượng báo cáo ĐTM được nâng cao.

Hình 3: Sơ đồ của việc đưa chuyên gia nữ và chuyên gia về giới trong giai đoạn Đánh giá Tác động Môi trường và xã hội:



Nguồn: Lê Trình, 2015 *Đánh giá tác động môi trường và các khía cạnh xã hội của các dự án đầu tư trong nước*.

- c. Hướng dẫn chi tiết hơn về quá trình ĐTM cần được xây dựng để đảm bảo phụ nữ và người dân tộc thiểu số có thể tiếp cận và hiểu đầy đủ thông tin của dự án và các tác động tiềm năng của nó đối với cộng đồng và an sinh xã hội để giúp người dân thảo luận, bàn bạc và đưa ra điều họ quan tâm một cách hiệu quả. Hướng dẫn cần quy định tỷ lệ phần trăm tối thiểu số lượng phụ nữ tham gia; các phương thức tiến hành tham vấn với phụ nữ và dân tộc thiểu số cần chú ý sự nhạy cảm về văn hóa; cần có mẫu báo cáo dữ liệu định lượng và định tính có phân tách về giới.
- d. Đánh giá tác động xã hội và giới nên là một yêu cầu về năng lực và được nêu trong điều khoản tham chiếu cho các nhóm tư vấn ĐTM.
- e. Đoàn thẩm định ĐTM nên có một chuyên gia xã hội và giới.

2. củng cố cơ chế trách nhiệm giải trình trong pháp luật quốc gia và trong chính sách an toàn của nhà tài trợ và trong thực tiễn

- a. Kế hoạch Quản lý Môi trường cần nêu rõ các biện pháp giải quyết các mối quan tâm và lợi ích liên quan đến giới dựa trên các thông tin rõ ràng và dễ tiếp cận về tác động của dự án trên các mặt phúc lợi, sinh kế và môi trường.
- b. Tổ chức độc lập như các tổ chức phi chính phủ/ tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức quốc gia của phụ nữ như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nên được trao vai trò giám sát với nhiệm vụ rõ ràng và hướng dẫn cụ thể về cách báo cáo trong quá trình ĐTM và trong suốt thời gian thực hiện dự án.

3. Nâng cao vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong ĐTM và tham vấn cộng đồng

- a. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là cơ quan đại diện của phụ nữ nên có một vai trò tương đương với Mặt trận Tổ quốc trong việc rà soát và cung cấp thông tin phản hồi về dự thảo báo cáo ĐTM cũng như giám sát việc thực hiện các kế hoạch quản lý môi trường EMP. Vai trò của họ cần phải được nêu rõ trong các luật hiện hành.
- b. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phải được giao vai trò chủ động trong việc đảm bảo phụ nữ được tiếp cận đầy đủ với thông tin của dự án, tập hợp và đại diện cho tiếng nói của phụ nữ trong các cuộc tham vấn.

4. Sử dụng năng lực của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự CSO trong việc hỗ trợ, xây dựng năng lực để cùng giám sát trong suốt quá trình ĐTM

- a. Thể chế hóa việc tham gia giám sát tham vấn cộng đồng của các tổ chức phi chính phủ và CSO trong các chính sách, các hướng dẫn của nhà nước cũng như của các nhà tài trợ.
- b. Năng lực của các tổ chức phi chính phủ và tổ chức cộng đồng cần được tăng cường để tham gia tốt hơn trong quá trình ĐTM.

5. Đưa ra các thực hành tốt nhất về sự lồng ghép giới trong ĐTM để tăng cường các hướng dẫn lồng ghép giới trong ĐTM

- a. Hướng dẫn lồng ghép giới trong tham vấn cộng đồng trong ĐTM ở Việt Nam và các nước khác thuộc khu vực hạ lưu sông Mê Công cần được xây dựng và triển khai thực hiện.

- b. Các thực hành tốt nhất về phương pháp tăng cường sự tham gia phụ nữ trong tham vấn cộng đồng cần được tổng hợp và chia sẻ giữa các quốc gia.

6. Đóng góp vào sự việc xây dựng bản hướng dẫn khu vực về tham vấn cộng đồng trong ĐTM

- a. Chia sẻ các kết quả nghiên cứu với Nhóm công tác kỹ thuật khu vực (RTWG) về ĐTM.
- b. Nâng cao nhận thức về sự tham gia của phụ nữ trong RTWG nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện ĐTM như là một phần của tiêu chuẩn ĐTM khu vực.
- c. Các hướng dẫn về ĐTM của khu vực nên tham khảo và trích dẫn các quy định và các khung pháp lý hiện có về sự tham gia của cộng đồng và vận động sửa đổi các quy định này bao hàm cả sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM.

- Asian Development Bank (ADB) Lao PRD, 2014. *Making Life Easier for Women through Improved Access to Water and Sanitation*.
- ADB Philippines, 2014. *Building Women's Knowledge and Skills Contribute to Better Homes and Communities*.
- ADB Viet Nam, 2014. *Making Science and Technology Work for Women in Agriculture*.
- ADB Cambodia, 2014. *Improving Food Security for Women and Poor Households*.
- ADB, 2009. *Safeguard Policy Statement*.
- Asia Pacific Forum on Women, Law and Development (APWLD), 2014. *Feminist Participatory Action research - Our Journey from Personal Change to Structural Change*.
- Bernadette P. Resurreccion, 2015. *Gender in EIA: Prospects for a regional standard*.
- Center for Environment and Community Research (CECR), 2015. *The participation of women in environmental impact assessment of infrastructure projects in Vietnam*.
- CECR, 2015. *Recommendations from the discussion of the female experts group discussion organized on July 13*.
- CECR, 2015. *Conclusions of the in-depth interviews of experts*.
- CECR, 2015. *Case study - Vo Le Quynh Nhu*.
- CECR, 2015. *Minutes of the Workshop "Women and environmental impact assessment"*, June 4.
- CECR, 2015. *Minutes of the Consultative Workshop "Women and environmental impact assessment"*, November 6.
- Defne Gencer and Richard Spencer, 2012. *New Approaches for Medium-Scale hydropower Development in Vietnam - Lessons from Preparation of the Trung Son Hydropower Project*. Washington D.C.: World Bank.
- Donna Hovsepien, 2014. *Role of Alberta's aboriginal women in EIA*.
- Duong Thanh An, 2015. *LEP 2014 and the documents guiding the implementation*.
- DAKURENCO.,Ltd, 2014. *Report on environmental impact assessment of the environmental management project: solid waste management and construction of landfills at Hoa Phu commune, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province*.
- Frances Cleaver and Anna Toner, 2006. *ESRC Final Report – 'How Participation Evolves': An exploration of participation in community-based water management in Tanzania*.
- Garrett Pratt, 2001. *Practitioners' Critical Reflections on PRA and Participation in Nepal*. Working paper 122, Institute of Development Studies. Available at <https://www.ids.ac.uk/files/Wp122.pdf>.
- Government of Vietnam (GOV)., 2009. *Decree No. 55/2009/ND-CP of June 10, 2009, on sanctioning of administrative violations of gender equality*.
- GOV., 2009. *Decree No. 48/2009/ND-CP of providing of May 19, 2009, measures to assure gender equality*.
- GOV., 2008. *Decree No. 70/2008/ND-CP of June 4, 2008, detailing the implementation of a number of*

articles of the Law on Gender Equality.

- GOV., 2015. *Decree No. 18/2015/ND-CP dated February 14, 2015, on environmental protection planning, strategic environmental assessment, environmental impact assessment and environmental protection plans.*
- Jesse C. Ribot, 2002. *Democratic Decentralization of Natural Resources: Institutionalizing popular participation.* World Resources Institute. Available at https://commdev.org/files/1076_file_13.pdf.
- Jessica Rosien, 2010. *Understanding the Asian Development Bank's Safeguard Policy.* Oxfam Australia. Available at www.oxfam.org.au.
- Laxmikoiralapandit, 2014. *Requirements of gender friendly public participation in Environmental Impact Assessments.*
- Le Trinh, 2015. *Environmental impact assessment and social aspects of investment projects in the country* (in Vietnamese).
- Mai The Toan, 2015. *Strategic environmental assessment, environmental impact assessment in Vietnam.*
- Michael Simon, 2013. *Balancing the Scales: Using gender impact assessment in hydropower development.* Oxfam Australia and CGIAR Challenge Program on Water and Food.
- Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE), 2015. *Circular No. 26/2015/TT-BTNMT Date May 28, Regulating Detailed Environmental Protection Project, Simple Environmental Protection Project.*
- MONRE, 2015. *Circular No. 27/2015/TT-BTNMT Date May 29, on Strategic Environmental Assessment, Environmental Impact Assessment and Environmental Protection Plans.*
- National Assembly, 2006. *Law No: 73/2006/QH11 Law on Gender Equality.*
- National Assembly, 2014. *Law No: 55/2014/QH13 Law on Environmental Protection.*
- Nguyen Hoang Phuong, 2015. *Some Recommendations to ensure the right policy environment in EIA.*
- Pact, Inc., 2015. *Prospects for Regional Cooperation on Environmental Impact Assessment in the Mekong Region: Summary Recommendation and Finding.*
- PanNature, 2015. *Institutionalized consultation process in environmental impact assessment.*
- Peter King, 2015. *Case study - Public Participation in EIA in Countries outside the Mekong Region.* First meeting of the Regional Technical Working Group on Environmental Impact Assessment.
- Peter King, 2015. *Case study - Public Participation in Various Domains.* First meeting of the Regional Technical Working Group on Environmental Impact Assessment.
- Petr Sauer et al., 2013. *Visegrad Countries: Environmental Problems and Policies.*
- Prime Minister, 2012. *Decision No.1393/QĐ-TTg Approval of the National Green Growth Strategy.*
- T. D. C. Luu and J. Von Meding, 2014. *Hydropower development and environmental impact assessments in Vietnam: current practice and shortcomings.* Briefing paper 1985 presented at the 37th WEDC International Conference, Hanoi.
- Tea Soentoro, 2009. "Making ADB accountable and responsible to Women, women and gender issues in the Safeguard Policy Update", *Bank Watch* vol. VIII, no. 4, fourth quarter. Available at http://media.wix.com/ugd/898604_5a02f29533a3411f9110f567a30abb97.pdf.

Tari Ebimo Dadiowe, 2003. *Niger Delta Fund Initiative - Women, Environmental Impact Assessment (EIA) and Conflict Issues in the Niger Delta: A Case study of Gbaran Oil Field Communities In Bayelsa State*. Paper presented at the National Workshop On Gender, Politics and Power: Overcoming the Barriers to the Emergence of Women Political Leaders in Nigeria. Lagos, July 28–30. Available at <http://www.earthrights.net/nigeria/news/women.html>.

Trung Son Hydropower Project, 2010. *Environmental Assessment Executive Summary*.

Vietnam Electricity, Trungson Hydropower Management Board, 2011. *Supplementary Environmental and Social Impact Assessment (SESIA), Trung Son Hydropower Project*

Trung Son Hydropower Project Management Unit, 2011: Public consultation report (in Vietnamese).

United Nations Fourth World Conference on Women, 1995. *Women and the Environment*.

Vietnam Environment and Sustainable Development Institute (VESDI), 2010. *Report on the provisions on public consultation during the environmental impact assessment of projects of economic development - economic development of international organizations operating in Vietnam*.

VRN, 2013. *Practical Handbook on Policy oversight of ADB Social Protection*.

Wikipedia, 2015. *Women and the Environment*.

United Nations Department of Economic and Social Affairs (UN DESA), 2005. *A Gender Perspective on Water Resources and Sanitation. Interagency Task Force on Gender and Water, DESA/DSD/2005/2*.

Website:

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTOPMANUAL/0,,contentMDK:20403235~menuPK:4564185~pagePK:64709096~piPK:64709108~theSitePK:502184,00.html>

http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/1ee7038049a79139b845faa8c6a8312a/PS7_English_2012.pdf?MOD=AJPERES

Danh sách các câu hỏi cho các cuộc phỏng vấn cung cấp thông tin, phỏng vấn sâu (bảy nhóm đối tượng), và thảo luận nhóm

Nhóm đối tượng 1: Cán bộ nhà nước/ chính quyền - Chính quyền địa phương: UBND xã, trưởng thôn

- Các điều khoản tham vấn cộng đồng trong khuôn khổ pháp lý về ĐTM là gì?
- Có những điều khoản rõ ràng nào hạn chế sự tham gia của phụ nữ không? Hoặc là báo cáo có phân biệt về giới không?
- Tham vấn cộng đồng trong ĐTM bao gồm những bước gì theo khung pháp lý?
- Có các vấn đề về bình đẳng giới được tích hợp trong khuôn khổ chính sách ĐTM không?
- Các bước ra quyết định trong ĐTM
- Có kết hợp giới trong việc ra quyết định hay không?
- Lý do không bao gồm phụ nữ trong việc ra quyết định?
- Vai trò lãnh đạo của phụ nữ và nam giới trong ĐTM là gì?
- Những lợi ích và hạn chế về sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ĐTM là gì?
- Họ có được mời đến các cuộc họp liên quan đến các dự án hay không? Tại sao có/ tại sao không?
- Họ có bày tỏ ý kiến của mình trong các cuộc họp hay không? Tại sao có/ tại sao không? Ý kiến của họ có được người ra quyết định cân nhắc không?
- Rủi ro cho phụ nữ trong việc tham gia và bày tỏ ý kiến của họ là gì?
- Tác động xã hội môi trường đối với phụ nữ và nam giới là gì?

Nhóm đối tượng 2: Ban QLDA / nhà điều hành dự án / đại diện những người phản đối dự án

- Việc ra quyết định có cân nhắc vấn đề giới không?
 - * Các bước trong việc đưa quyết định – liên quan đến các biện pháp môi trường của ĐTM là gì?
 - * Các vấn đề giới có được xem xét đưa vào các bước của quá trình đưa ra quyết định hay không?
- Lý do loại trừ phụ nữ trong việc đưa ra quyết định?
- Vai trò lãnh đạo của phụ nữ và nam giới trong ĐTM là gì?
 - * Lãnh đạo của EMP và biện pháp là ai?
 - * Ai là người thực hiện ĐTM và ĐTM bổ sung?
 - * Phụ nữ có lãnh đạo và quản lý không?
 - * Tỷ lệ đàn ông và phụ nữ trong việc thực hiện EMP và biện pháp là bao nhiêu?
 - * Đó là ai?
- Phụ nữ có thể có quyền truy cập vào thông tin liên quan đến ĐTM hay không?
- Phụ nữ đã được thông báo về dự án như thế nào? Đó có phải là những thông tin dễ hiểu và có ý nghĩa đối với phụ nữ không?
 - * Thông tin về dự án có được thông báo cho phụ nữ và nam giới hay không? Sự khác biệt trong việc chuyển thông tin cho phụ nữ là gì?

Nhóm đối tượng 3: Các nhà tài trợ

- Ai là người đã được tham gia trong mỗi bước của quá trình ĐTM
- Nhu cầu của họ đã được phản ánh trong quá trình ĐTM hay không?
- Có những yêu cầu nào liên quan đến giới? Nếu có: đó là gì? Liệu những yêu cầu đó được giải quyết? có/ không? Tại sao?
 - * Các nhà tài trợ có bất kỳ tài liệu nào liên quan đến quá trình ĐTM hay không? Đó là tài liệu gì?

- * Các tài liệu này đòi hỏi sự tham gia của phụ nữ như thế nào?
- Những lợi ích và hạn chế của việc phụ nữ tham gia trong quá trình ĐTM là gì?
 - * Các nhà tài trợ có hoạt động nào để đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả hay không?
 - * Liệu quá trình ĐTM có quy định đòi hỏi sự tham gia của phụ nữ?
 - * chính sách các nhà tài trợ về yêu cầu lồng ghép vấn đề giới được tiến hành trong quá trình ĐTM như thế nào?
 - * Có văn bản nào quyết định sự phê duyệt liên quan đến sự tham gia của phụ nữ hay không?
 - * Rủi ro mà các nhà tài trợ và chủ dự án gặp phải là gì? Giải pháp là gì?

Nhóm đối tượng 4: Thành viên hội đồng thẩm định ĐTM

- Có sự kết hợp về giới trong việc ra quyết định hay không
 - * Các khía cạnh của phụ nữ có được xem xét trong quá trình thẩm định ĐTM hay không?
 - * Phụ nữ có nằm trong các thành viên của hội đồng thẩm định ĐTM hay không?
- Ai đã được tham gia trong mỗi bước trong quá trình ĐTM
- Lý do không bao gồm phụ nữ trong việc ra quyết định
 - * Lý do mà quan điểm của phụ nữ đã không được đưa vào quá trình đánh giá là gì?
- Vai trò lãnh đạo của phụ nữ và nam giới trong ĐTM là gì?
 - * Vị trí của họ là gì (chủ tịch, thư ký, thành viên)
- Họ có được mời đến các cuộc họp liên quan đến các dự án hay không? Tại sao có/ tại sao không?
- Họ đã bày tỏ ý kiến của mình trong các cuộc họp hay chưa? Tại sao/ tại sao không? Ý kiến của họ có được người ra quyết định cân nhắc hay không?
- Rủi ro cho phụ nữ trong việc tham gia và bày tỏ ý kiến của họ là gì?

Nhóm đối tượng 5: Đại diện của nhóm tư vấn ĐTM

- Vai trò lãnh đạo của phụ nữ và nam giới trong ĐTM là gì?
 - * Các bước của quá trình ĐTM là gì?
 - * Ai đã được tham gia trong mỗi bước của quá trình ĐTM?
 - * Có sự so sánh nào giữa tỉ lệ nam và nữ tham gia trong quá trình ĐTM không?
- Có kết hợp giới trong việc ra quyết định hay không
 - * Có bất kỳ điều khoản nào về việc thực hiện ĐTM hoặc xem xét việc kết hợp giới trong ĐTM đối với phụ nữ hay không?
- Lý do không bao gồm phụ nữ trong việc ra quyết định
- Phụ nữ có thể có quyền tiếp cận vào thông tin liên quan ĐTM hay không?
- Các nhà thực thi ĐTM và chính phụ nữ có mong đợi sự tham gia phụ nữ vào các quá trình ĐTM hay không?
- Những lợi ích và hạn chế của việc phụ nữ tham gia vào quá trình ĐTM là gì?
- Họ có được mời đến các cuộc họp liên quan đến các dự án hay không? Tại sao/ tại sao không?
- Họ có bày tỏ ý kiến của mình trong các cuộc họp hay không? Tại sao/ tại sao không? Ý kiến của họ có được người ra quyết định cân nhắc hay không?
- Rủi ro cho phụ nữ trong việc tham gia và bày tỏ ý kiến của họ là gì?
- Sự khác biệt về tác động môi trường đối với nam giới và phụ nữ là gì?

Nhóm đối tượng 6: Các nhà quản lý môi trường và các chuyên gia về giới ở Việt Nam

Tác động của ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn đối với phụ nữ so với trẻ em và so với nam giới có gì khác? Cụ thể là gì?

- Ai được coi là người đứng đầu của gia đình?

- Sự kết hợp và thực hành về giới được hiểu như thế nào?
- Những bước nào cần phải được thực hiện để kết hợp giới hoặc vai trò của phụ nữ vào ĐTM?
- Nhận thức xã hội về vị trí của phụ nữ trong xã hội là gì, và vai trò của họ trong việc ra quyết định về môi trường?
- Vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới trong công việc gia đình và quá trình ra quyết định trong gia đình là gì?

Nhóm đối tượng 7: Lãnh đạo cộng đồng nữ/ Hội Phụ nữ

- Ai đã được tham gia trong các bước của quá trình ĐTM?
- Những kiểu tham gia của phụ nữ và từng bước của ĐTM?

Danh sách các câu hỏi cho cuộc phỏng vấn sâu của phụ nữ và nam giới bị ảnh hưởng

1. Phụ nữ thấy tác động của dự án đến đời sống và sinh kế của họ (lợi ích, tác động xã hội và môi trường, bồi thường) như thế nào?

- * Những ưu điểm của dự án đã ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn như thế nào? Cụ thể hơn?
- * Những nhược điểm của dự án đã ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn như thế nào? Cụ thể hơn?
- * Những thành phần của nước, không khí, đất đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống nông nghiệp, kinh tế, xã hội của bạn như thế nào? Cụ thể hơn? Nhược điểm của dự án ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn ra sao? Cụ thể hơn?

2. Họ có được mời đến các cuộc họp liên quan đến dự án hay không? Tại sao có/ tại sao không?

- * Thông tin dự án có được thông báo cho cộng đồng hay không? Nó được thông qua các cuộc họp của Hội Liên hiệp Phụ nữ hay cộng đồng? Ai là người thông báo (trưởng thôn, lãnh đạo nữ, lãnh đạo Ủy ban)?
- * Phụ nữ có thể hiểu được các thông tin đó không?
- * Bạn được thông báo về dự án và ĐTM khi nào?

3. Họ có bày tỏ ý kiến của mình trong các cuộc họp hay không? Tại sao có/ tại sao không? Ý kiến của họ có được người ra quyết định quan tâm và cân nhắc?

- * Bạn có thể hiện ý kiến cá nhân hay bạn thông qua Hội liên hiệp phụ nữ?

4. Phụ nữ có muốn được tham vấn trong quá trình ĐTM hay không? Tại sao có/ tại sao không?

5. Rủi ro cho phụ nữ trong việc tham gia và bày tỏ ý kiến của họ là gì?

- * Bạn có cảm thấy nhút nhát khi bạn thể hiện ý kiến của bạn tại các cuộc họp không? Tại sao?
- * Trong các hành phần ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí; ô nhiễm tiếng ồn ... thì yếu tố nào ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em nhiều hơn nam giới?

Câu hỏi thảo luận cho nhóm phụ nữ và nam giới bị ảnh hưởng:

1. Ai được coi là người đứng đầu của gia đình?
2. Nhận thức xã hội về vị trí của phụ nữ trong xã hội là gì, và vai trò của họ trong việc ra quyết định về môi trường?
3. Vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới trong công việc gia đình và quá trình ra quyết định của gia đình là gì?
4. Phụ nữ đã được thông báo về dự án như thế nào? Thông tin này có dễ hiểu và có ý nghĩa đối với phụ nữ không?
 - * Bạn có cảm thấy xấu hổ khi bạn thể hiện ý kiến của bạn tại các cuộc họp không? Tại sao?
5. Phụ nữ nghĩ những cách gì là hữu hiệu trong việc ảnh hưởng tới việc ra quyết định chung?
 - * Bạn có biết cách nào có hiệu quả trong quá trình tập hợp không?

PHỤ LỤC 2

Người được phỏng vấn và vị trí của họ

STT	Họ và tên	Giới tính	Vị trí – Tổ chức
HÀ NỘI			
1	Phan Anh Dũng	Nam	Cục phó Cục Thẩm định đánh giá tác động môi trường, Bộ Tài nguyên Môi trường
2	Nguyễn Văn Sơn	Nam	Chuyên gia môi trường của Ngân hàng Thế giới Hà Nội.
3	Mộng Hoa	Nữ	Cán bộ của Ngân hàng Thế giới Hà Nội.
4	Khúc Thị Thanh Vân	Nữ	Chuyên gia về phụ nữ và xã hội / thành viên của ĐTM và chương trình giải quyết của Trung Sơn / thành viên của Ngân hàng Thế giới về môi trường và đại biểu các chuyên gia xã hội
5	Lê Hoàng Lan	Nữ	Chuyên gia ĐTM, thành viên của Hội đồng thẩm định ĐTM / lãnh đạo phụ nữ
6	Phạm Văn Phúc	Nam	Chuyên gia ĐTM của ADB Hà Nội
7	Nguyễn Thu Giang	Nữ	Chuyên gia về giới tính của ADB Hà Nội
8	Bồ Thị Hồng Mai	Nữ	Cán bộ của Ngân Hàng Thế Giới Hà Nội
9	Nguyễn Văn Nghị	Nam	Cán bộ của Ngân Hàng Thế Giới Hà Nội
10	Nguyễn Thu Nga	Nữ	Chuyên gia ĐTM
11	Đàm Ngọc Anh	Nữ	Điều phối viên dự án, Ban QLDA Trung Sơn Tại Hà Nội.
12	Nguyễn Hồng Phượng	Nữ	Điều phối viên Phòng Chính sách, PanNature
13	Nguyễn Đức Tùng	Nam	Phó giám đốc, VESDI
14	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	chuyên gia ĐTM, một thành viên của Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM thủy điện Trung Sơn.
15	Nguyễn Thị Vân Huệ	Nữ	Chuyên gia ĐTM
16	Ánh Tuyết	Nữ	Chuyên gia/ giảng viên ĐTM, Đại học Bách Khoa Hà Nội
TRUNG SƠN			
17	Trần Quốc Hùng	Nam	Cán bộ ban QLDA thủy điện Trung Sơn
18	Nguyễn Hồng Phương	Nam	Cán bộ ban QLDA thủy điện Trung Sơn
19	Trần Minh Thông	Nam	Cán bộ ban QLDA thủy điện Trung Sơn
20	Nguyễn Văn Quàn	Nam	Làng Tổ Xức
21	Chị Lương Thị Thắm	Nữ	Làng Tổ Xức
22	Đình Xuân Diên	Nam	Chủ tịch UBND xã Trung Sơn
23	Lương Thanh Xuân	Nam	Phó Chủ tịch UBND xã Trung Sơn
24	Vy thị Ký	Nữ	Xã Trung Sơn
25	Phạm Bá Sắc	Nam	Xã Trung Sơn
26	Ngân thị Quàn	Nữ	Làng Cò Me
27	Ngân Văn Chiến	Nam	Làng Tà bán
28	Nguyễn Văn Phước	Nam	Làng Tà bán
29	Ngân Văn Phận	Nam	Làng Tà bán
30	Lương Thanh Đồng	Nam	Làng Tà bán
31	Ngân Thị Tiền	Nữ	Làng Tà bán
32	Phạm Thị Lợi	Nữ	Làng Tà bán
33	Phạm Thị Dừa	Nữ	Làng Tà bán
34	Phạm Thị Xới	Nữ	Làng Tà bán
35	Phạm Mạnh Hưng	Nữ	Trưởng Làng Cò Me

36	Lương thị Quyền	Nữ	Làng Tổ Xước
BUÔN MA THUẬT			
37	Nguyễn Thị Thái Thanh	Nữ	Dakurenco
38	Phan Thị thanh Hà	Nữ	Phòng Tài Nguyên và Môi trường Buôn Ma Thuật
39	Nguyễn Văn Cảnh	Nam	E Bur- Bãi chôn lấp Dakurenco
40	Nguyễn Ngọc Đông Quỳnh	Nam	Làng số 8, xã Hoà Phú
41	Võ Lê Quỳnh Như	Nữ	Xã Hoà Phú

PHỤ LỤC 3**Những người tham gia trong nhóm thảo luận**

STT	Tên	Giới tính	Chức vụ – tổ chức
TRUNG SƠN			
<i>Nhóm phụ nữ, làng Tà Bán, xã Trung Sơn</i>			
1	Nguyễn Thị Cầu	Nữ	Bán hàng
2	Phạm Thị Lợi	Nữ	Nguyên chủ tịch hội Liên hiệp phụ nữ
3	Phạm Thị Dưa	Nữ	Chủ tịch hội Liên hiệp Phụ nữ
4	Phạm Thị Xới	Nữ	Nông dân
<i>Nhóm nam giới, làng Tà Bán, xã Trung Sơn</i>			
5	Ngân Văn Chiến	Nam	Hội người cao tuổi
6	Phạm Văn Mười	Nam	Thư kí, Ban bí thư đảng công sản của làng
7	Phạm Bá Lăn	Nam	Hội cựu chiến binh
8	Nguyễn Văn Phước	Nam	Bí thư, Đảng cộng sản của làng
9	Ngân Văn Phận	Nam	Trưởng làng
10	Lương Thanh Đồng	Nam	Phó làng
BUÔN MA THUẬT			
<i>Đại diện nhóm thảo luận dự án</i>			
11	Nguyễn Thị Thái Thanh	Nữ	Phó trưởng phòng kế hoạch đầu tư kĩ thuật
12	Nguyễn Thị Hoàng Lân	Nữ	Cán bộ
13	Phan Thị thanh Hà	Nữ	Phòng Tài nguyên và Môi trường Buôn Ma Thuột
14	Nguyễn Văn Tiến	Nam	Công ty Phát triển đô thị
<i>Thảo luận nhóm của các lãnh đạo địa phương, xã Hòa Phú: Chủ tịch xã, trưởng CPC, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã, chủ tịch Phụ nữ xã</i>			
15	Kiều Thị Nga	Nữ	Chủ tịch hội Phụ nữ xã Hòa Phú
16	Từ Văn Hợ	Nam	Chủ tịch UBND xã Hòa Phú
17	Nguyễn Đăng Huy	Nam	Văn phòng xã Hòa Phú
18	Nguyễn Thị Hương	Nữ	Phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Hòa Phú
19	Nguyễn Thị Thái Thanh	Nữ	Phó trưởng phòng kế hoạch – đầu tư – kĩ thuật
20	Nguyễn Thị Hoàng Lân	Nữ	Dakurenco
<i>Thảo luận nhóm tại xã Hòa Phú, cộng đồng những người bị mất đất</i>			
21	Nguyễn Thị Tân	Nữ	Làng 1 xã Hòa Phú
22	Phan Văn Thanh	Nam	Làng 2 xã Hòa Phú
23	Chu Thị Vinh	Nữ	Làng 3 xã Hòa Phú
24	Đặng Minh Hùng	Nam	Làng 4 xã Hòa Phú
<i>Thảo luận nhóm với các đại diện làng 11 xã Hòa Phú</i>			
25	Mạnh Văn Chánh	Nam	Trưởng làng
26	Nguyễn Mạnh Đạt	Nam	Thư kí
27	Đào Ngọc Thiện	Nam	Hội nông dân
28	Dương Đình Hải	Nam	Bảo vệ